

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
1	200128	10/04/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.25	5	8.25	8	8.6	6.5	11.55	18.05		v	0	42.9	24.85	1	
2	200022	13/06/2011	9A2	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.05	4.5	7.55	7.75	8.2	6.5	11.7	18.2		3.9	3.9	41.7	27.4	2	82
3	200282	23/04/2011	9A1	Chuyên Hóa		3.25	5	8.25	7.75	9	6.25	10.4	16.65		0	0	41.65	25	3	
4	200145	12/05/2011	9A4	Chuyên Hóa		3.25	5.25	8.5	7.75	6.4	7	11.25	18.25		0	0	40.9	22.65	4	
5	200640	02/08/2011	9A3	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.05	5.25	8.3	8	8.6	5.5	10.3	15.8		8.85	8.85	40.7	33.75	5	32
6	200067	22/01/2011	9A1	Chuyên Hóa		2.9	4.25	7.15	9	9	4.85	10.3	15.15		0	0	40.3	25.15	6	
7	200539		9A2	Chuyên Hóa		3.05	4.25	7.3	7.5	7.8	6	11.05	17.05		0	0	39.65	22.6	7	
8	200745	20/10/2011	9A3	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.1	3.75	6.85	8.75	7.4	5.1	11.45	16.55		3.6	3.6	39.55	26.6	8	87
9	200140	15/05/2011	9D	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.05	5.25	8.3	8.25	9.2	5.75	7.675	13.43		6.35	6.35	39.175	32.1	9	45
10	200620	09/03/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.25	4.5	7.75	8	8.6	6.5	8.05	14.55		4	4	38.9	28.35	10	73
11	200083	26/10/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.05	5.5	8.55	8	7.6	5.75	8.8	14.55		7.6	7.6	38.7	31.75	11	48
12	200464	23/12/2011	9A1	Chuyên Hóa		2.7	4.75	7.45	7.5	8.6	6.25	8.9	15.15		0	0	38.7	23.55	12	
13	200501	15/10/2011	9a4	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	2.9	3.5	6.4	7.5	5.6	6.5	11.55	18.05	4.6	2.375	6.975	37.55	26.475	13	51
14	200474	08/05/2011	9A1	Chuyên Hóa		3.05	4	7.05	6.25	5	4.75	14.45	19.2		0	0	37.5	18.3	14	
15	200374	15/11/2011	9a8	Chuyên Hóa		3.05	5.25	8.3	7.5	7.2	5	9.455	14.46		0	0	37.455	23	15	
16	200059	27/04/2011	9A6	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	2.7	4.5	7.2	7.75	4.4	6.35	11.55	17.9	5	6.5	11.5	37.25	30.85	16	29
17	200371	26/11/2011	9A1	Chuyên Hóa		2.85	5	7.85	7.75	6.8	5.5	9.2	14.7		0	0	37.1	22.4	17	
18	200461	07/10/2011	9a1	Chuyên Hóa		2.85	4.5	7.35	6.25	7.2	6.5	9.7	16.2		0	0	37	20.8	18	
19	200447	02/07/2011	9A4	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	2.85	5	7.85	7	8.2	5.1	8.8	13.9		2.85	2.85	36.95	25.9	19	94
20	200168	28/03/2011	9B	Chuyên Hóa		3.1	4.25	7.35	8.25	6.2	5.75	9.17	14.92		0	0	36.72	21.8	20	
21	200252	14/12/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Tin	3.05	5	8.05	7.25	8.4	5.25	7.6	12.85		5.1	5.1	36.55	28.8	21	26
22	200258	17/09/2011	9A5	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	2.35	3.75	6.1	7.25	8.4	5.75	9.05	14.8		3.55	3.55	36.55	25.3	22	101
23	200734	28/11/2011	9A2	Chuyên Hóa		3.05	3.75	6.8	7.75	6.6	6	8.75	14.75		0	0	35.9	21.15	23	
24	200163	11/03/2011	9A1	Chuyên Hóa		3.1	5.25	8.35	6	4.6	5.25	11.05	16.3		0	0	35.25	18.95	24	
25	200646	06/10/2011	9A2	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.05	5.25	8.3	7.5	7.6	4.75	6.9	11.65		3.9	3.9	35.05	27.3	25	84

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
26	200563			Chuyên Hóa		3.05	5	8.05	7.25	7.6	5.25	6.8	12.05		0	0	34.95	22.9	26	
27	200320	17/10/2011	9A2	Chuyên Hóa		2.9	4.5	7.4	9	5.8	4.75	8	12.75		0	0	34.95	22.2	27	
28	200093	11/09/2011	9A2	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	2.65	4.25	6.9	6.5	7.4	5.25	8.8	14.05		v	0	34.85	20.8	28	
29	200173	30/10/2011	9a3	Chuyên Hóa	Chuyên Địa	2.7	3.5	6.2	6.25	7	6.25	8.85	15.1		2	2	34.55	21.45	29	32
30	200250	17/07/2011	9a4	Chuyên Hóa		2.85	3.5	6.35	7.25	5.6	6.1	9.05	15.15		0	0	34.35	19.2	30	
31	200126	16/11/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	2.85	4.75	7.6	7	6.4	5.5	7.8	13.3		3.15	3.15	34.3	24.15	31	114
32	200107	13/10/2011	9a1	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.05	4	7.05	7.75	7.2	4.85	6.75	11.6		3.025	3.025	33.6	25.025	32	106
33	200280	08/07/2011	9A1	Chuyên Hóa		3.25	4	7.25	8.5	8.4	5.1	4	9.1		0	0	33.25	24.15	33	
34	200414	28/11/2011	9A4	Chuyên Hóa		3.25	4.5	7.75	6.5	7	5.25	6.625	11.88		0	0	33.125	21.25	34	
35	200205	01/08/2011	9a2	Chuyên Hóa		3.1	4.5	7.6	7.25	7.2	4.5	6.35	10.85		0	0	32.9	22.05	35	
36	200179	20/12/2011	9A5	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	3.25	5	8.25	7	7	4.6	5.925	10.53		v	0	32.775	22.25	36	
37	200260	14/04/2011	9D	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.5	4.25	7.75	5.75	7.6	5.25	6	11.25		3.5	3.5	32.35	24.6	37	113
38	200055	25/02/2011	9A3	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	2.9	3.5	6.4	6	6.4	4.25	9.125	13.38		v	0	32.175	18.8	38	
39	200623	09/09/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Tin	3.25	3.75	7	8.75	6.6	4	5.625	9.625		6.3	6.3	31.975	28.65	39	27
40	200730	29/05/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Địa	2.7	4.75	7.45	7.25	7	4.6	5.625	10.23		0.5	0.5	31.925	22.2	40	26
41	200638	28/02/2011	9A2	Chuyên Hóa		2.9	4	6.9	7.5	6	5.5	6.025	11.53		0	0	31.925	20.4	41	
42	200305	16/10/2011	9a1	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	2.9	4.25	7.15	6.75	7.2	4.5	5.9	10.4	4.1	2.875	6.975	31.5	28.075	42	44
43	200655	18/07/2011	9A	Chuyên Hóa		3.25	3.75	7	5.5	5.2	5	8.8	13.8		0	0	31.5	17.7	43	
44	200477	22/11/2011	9A1	Chuyên Hóa		3.25	4.5	7.75	5	4.6	5.5	8.65	14.15		0	0	31.5	17.35	44	
45	200361	26/07/2011	9a5	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	1.95	4	5.95	7	9	3.85	5.375	9.225		9.425	9.425	31.175	31.375	45	51
46	200321	06/01/2011	9A1	Chuyên Hóa		2.5	3.75	6.25	9	8	6.25	1.45	7.7		0	0	30.95	23.25	46	
47	200318	06/07/2011	9A2	Chuyên Hóa		3.1	4.5	7.6	7.25	3	5.5	7.5	13		0	0	30.85	17.85	47	
48	200431	04/04/2011	9A2	Chuyên Hóa		2.9	3.5	6.4	6.25	7.2	4.85	6	10.85		0	0	30.7	19.85	48	
49	200462	27/12/2011	9D	Chuyên Hóa	Chuyên Sử	2	4.25	6.25	7.25	6.8	4.85	5.55	10.4		7.75	7.75	30.7	28.05	49	18
50	200110	15/06/2011	9A5	Chuyên Hóa	Chuyên Tin	2.9	3	5.9	5.25	5.4	4.6	9.4	14		3.1	3.1	30.55	19.65	50	60

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
51	200546	10/09/2011	9A3	Chuyên Hóa		2.7	3.25	5.95	5.5	5.4	5.5	8.095	13.6		0	0	30.445	16.85	51	
52	200618	04/06/2011	9A1	Chuyên Hóa		2.3	1.75	4.05	7	6.2	4.75	8.3	13.05		0	0	30.3	17.25	52	
53	200078	30/05/2011	9A3	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	2.15	4.25	6.4	7	5.4	5.5	5.775	11.28		3.4	3.4	30.075	22.2	53	137
54	200188	07/06/2011	9A3	Chuyên Hóa		2.7	4	6.7	6	7.2	5	4.9	9.9		0	0	29.8	19.9	54	
55	200499	09/11/2011	9A4	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	3.05	2.5	5.55	8.5	5.6	4.6	5.175	9.775		v	0	29.425	19.65	55	
56	200565	22/01/2011	9A4	Chuyên Hóa		2.65	2.75	5.4	7.25	6.4	4.5	5.775	10.28		0	0	29.325	19.05	56	
57	200680	01/09/2011	9A1	Chuyên Hóa		2.45	2.25	4.7	7.5	6	4.75	6.3	11.05		0	0	29.25	18.2	57	
58	200547			Chuyên Hóa		2.9	3.5	6.4	5.75	7.2	5	4.25	9.25		0	0	28.6	19.35	58	
59	200213	29/04/2011	9A4	Chuyên Hóa		2.35	2.75	5.1	6.75	4.6	5	7.05	12.05		0	0	28.5	16.45	59	
60	200762	19/05/2011	9a3	Chuyên Hóa		2.85	2.25	5.1	7	6.2	4.85	4.9	9.75		0	0	28.05	18.3	60	
61	200266	17/08/2011	9A3	Chuyên Hóa		2.15	2.5	4.65	6.5	5.2	4.85	6.55	11.4		0	0	27.75	16.35	61	
62	200493			Chuyên Hóa		3.25	2.5	5.75	7.75	4.2	4.7	5.3	10		0	0	27.7	17.7	62	
63	200262	04/11/2011	9A5	Chuyên Hóa		2.85	2	4.85	6.25	7.4	5.25	3.9	9.15		0	0	27.65	18.5	63	
64	200265	06/06/2011	9A3	Chuyên Hóa		3.05	2.25	5.3	7.5	5	4.85	4.75	9.6		0	0	27.4	17.8	64	
65	200576	30/05/2011	9A5	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	3.05	4	7.05	6	6.8	4.75	2.65	7.4		5.1	5.1	27.25	24.95	65	107
66	200204			Chuyên Hóa	Chuyên Địa	2.85	3.75	6.6	6.75	5.6	4.25	4	8.25		5.25	5.25	27.2	24.2	66	16
67	200090	11/11/2011	9A5	Chuyên Hóa		3.25	2.5	5.75	5.5	7.2	4.75	4	8.75		0	0	27.2	18.45	67	
68	200458	11/08/2011	9A	Chuyên Hóa		2.7	2.75	5.45	6.25	5	4.5	6	10.5		0	0	27.2	16.7	68	
69	200354	11/12/2011	9a3	Chuyên Hóa	Chuyên Sử	2.05	1.75	3.8	7.25	4.4	4.35	7.195	11.55		3.5	3.5	26.995	18.95	69	55
70	200633	29/09/2011	9A2	Chuyên Hóa	Chuyên Sử	2.7	5	7.7	4.75	5.4	3.75	5	8.75		2.75	2.75	26.6	20.6	70	48
71	200082	04/08/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	2.85	2.5	5.35	5.25	8	4.35	2.625	6.975		6.7	6.7	25.575	25.3	71	102
72	200404	23/03/2011	9A	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	2.85	2.25	5.1	7	6.6	3.75	2.745	6.495		2.35	2.35	25.195	21.05	72	144
73	200589	05/01/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	2.65	1.75	4.4	7.25	4.6	3.35	4.875	8.225	3.1	3.125	6.225	24.475	22.475	73	86
74	200120	14/08/2011	9A7	Chuyên Hóa		2.6	2.25	4.85	6.75	5	3.6	4.125	7.725		0	0	24.325	16.6	74	
75	200016	14/09/2011	9A4	Chuyên Hóa	Chuyên Địa	1.35	0.75	2.1	7.75	7.2	4.5	2.125	6.625		0	0	23.675	17.05	75	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
76	200355	09/05/2011	9A4	Chuyên Hóa	Chuyên Tin	2.2	3.25	5.45	8.5	5.2	3.45	1	4.45		6.5	6.5	23.6	25.65	76	40
77	200309	20/06/2011	9A4	Chuyên Hóa		3.1	2.5	5.6	6.25	4.4	4.5	2.75	7.25		0	0	23.5	16.25	77	
78	200214	12/06/2011	9D	Chuyên Hóa		2.9	1.75	4.65	5.5	5.4	4.5	3	7.5		0	0	23.05	15.55	78	
79	200273	16/10/2011	9A1	Chuyên Hóa	Chuyên Địa	2.5	1	3.5	5	5.6	3.5	4.8	8.3		1	1	22.4	15.1	79	55
80	200700	30/05/2011	9A5	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	2.15	2	4.15	7	4.8	3.75	1.5	5.25	3	2.65	5.65	21.2	21.6	80	90
81	200030	06/04/2011	9a	Chuyên Hóa		1.45	1.25	2.7	6.5	5	4.85	1.75	6.6		0	0	20.8	14.2	81	
82	200271	24/06/2011	9A1	Chuyên Hóa		1.6	2	3.6	6.75	3.6	3.35	2.875	6.225		0	0	20.175	13.95	82	
83	200662	23/02/2011	9A2	Chuyên Hóa		2.5	1.25	3.75	6.25	4.6	4.1	1.25	5.35		0	0	19.95	14.6	83	
84	200017	06/06/2011	9A5	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	1.15	1.25	2.4	6.75	4	3.35	2.75	6.1		7.8	7.8	19.25	20.95	84	145
85	200316	24/05/2011	9A1	Chuyên Hóa		1.75	0.25	2	7	4.8	2.45	2.25	4.7		0	0	18.5	13.8	85	
86	200366	26/11/2011	9B	Chuyên Hóa		3.25	1.5	4.75	6	2.4	3.85	1.5	5.35		0	0	18.5	13.15	86	
87	200752	09/09/2011	9A7	Chuyên Hóa	Chuyên Anh	1.95	2	3.95	0	7.4	4.25	2.75	7		2.3	2.3	18.35	13.65	87	156
88	200101	14/10/2010	9A3	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	0.85	1	1.85	6.75	3.6	4	1.17	5.17	3.35	3	6.35	17.37	18.55	88	109
89	200161	08/07/2011	9A4	Chuyên Hóa		3.05	3.5	6.55			4.1	4.875	8.975		0	0	15.525	6.55	89	
90	200701	09/05/2011	9A2	Chuyên Hóa	Chuyên Sinh	2	1.25	3.25	4.75	2.6		v	0	4.35	2.75	7.1	10.6	17.7		112
91	200740	20/08/2011	9a6	Chuyên Hóa					0			v	0		0	0	0	0		
92	200088	13/04/2011	9A1	Chuyên Hóa								v	0		0	0	0	0		
93	200302	04/03/2011	9D	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.65	3.75	6.4	6.5	8	5.5	11.25	16.75		v	0	37.65	20.9	1	
94	200356	09/07/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	3.25	4.5	7.75	6.75	6.4	7	8.5	15.5	6	4.275	10.28	36.4	31.175	2	25
95	200664	13/02/2011	9A4	Chuyên Lí		3.25	5.5	8.75	7.75	7.8	7.25	4.75	12		0	0	36.3	24.3	3	
96	200235	24/03/2011	9A6	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	3.25	4.5	7.75	6.75	6.6	7.75	7	14.75		v	0	35.85	21.1	4	
97	200347	16/03/2011	9a2	Chuyên Lí		2.9	5.25	8.15	8.5	6.2	6.5	6	12.5		0	0	35.35	22.85	5	
98	200314	02/04/2011	9a5	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	3.1	5	8.1	5.25	8	7.5	6	13.5	5.2	2.125	7.325	34.85	28.675	6	42
99	200705	24/11/2011	9B	Chuyên Lí		2.35	4.25	6.6	8.25	7.6	6.25	6	12.25		0	0	34.7	22.45	7	
100	200193	28/11/2011	9A2	Chuyên Lí		3.1	5	8.1	7.25	7	7.5	4.5	12		0	0	34.35	22.35	8	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
101	200491	10/04/2011	9C	Chuyên Lí		3.25	4.5	7.75	7.75	7.8	6.75	4	10.75		0	0	34.05	23.3	9	
102	200529	05/08/2011	9B	Chuyên Lí		3.25	5	8.25	8	8	7.25	2.5	9.75		0	0	34	24.25	10	
103	200661	17/04/2011	9A4	Chuyên Lí		3.05	4.25	7.3	7.25	6.4	7	6	13		0	0	33.95	20.95	11	
104	200174	06/09/2011	9A3	Chuyên Lí		3.1	4.75	7.85	6.5	5.6	6.75	7	13.75		0	0	33.7	19.95	12	
105	200753	26/02/2011	9A1	Chuyên Lí		3.05	5.5	8.55	8.25	8.6	5.5	2.5	8		0	0	33.4	25.4	13	
106	200025	22/04/2011	9A3	Chuyên Lí		3.25	4.5	7.75	7.25	8.2	5.75	4.25	10		0	0	33.2	23.2	14	
107	200217	04/08/2011	9A1	Chuyên Lí		3.25	4.75	8	6.75	7.8	6.75	3.5	10.25		0	0	32.8	22.55	15	
108	200506	30/01/2011	9B	Chuyên Lí	Chuyên Địa	2.9	5	7.9	6.25	5.8	8	4.75	12.75		1	1	32.7	20.95	16	36
109	200409	17/05/2011	9a1	Chuyên Lí	Chuyên Anh	3.05	4.75	7.8	6.75	6.8	7	4	11		v	0	32.35	21.35	17	
110	200010	10/06/2011	9a2	Chuyên Lí		2.85	3.5	6.35	7.75	6.8	7	4.25	11.25		0	0	32.15	20.9	18	
111	200470	04/05/2011	9A2	Chuyên Lí	Chuyên Anh	3.05	4.75	7.8	7	7.8	5.5	4	9.5		v	0	32.1	22.6	19	
112	200212	10/05/2011	9A2	Chuyên Lí	Chuyên Anh	3.25	4.25	7.5	7.25	7.8	5.25	4.25	9.5		6.175	6.175	32.05	28.725	20	71
113	200687	01/01/2011	9a6	Chuyên Lí		3.1	3.5	6.6	8	6.4	7.5	3.5	11		0	0	32	21	21	
114	200342	30/04/2011	9a3	Chuyên Lí	Chuyên Sử	2.7	4.5	7.2	8.5	6.4	5	4.75	9.75		5.75	5.75	31.85	27.85	22	20
115	200639	15/04/2011	9A2	Chuyên Lí	Chuyên Địa	3.25	3.5	6.75	6.5	6.8	6.5	5.25	11.75		1.25	1.25	31.8	21.3	23	33
116	200154	19/08/2011	9a3	Chuyên Lí	Chuyên Sử	2.65	3.25	5.9	8.25	6.4	6	5	11		3	3	31.55	23.55	24	37
117	200425	09/01/2011	9A7	Chuyên Lí		2.9	4.5	7.4	7.25	7.2	5.75	3.75	9.5		0	0	31.35	21.85	25	
118	200697	01/07/2011	9a1	Chuyên Lí		3.25	4.5	7.75	7.25	4.6	6	5.25	11.25		0	0	30.85	19.6	26	
119	200554	01/11/2011	9a2	Chuyên Lí		3.05	4.5	7.55	7.75	6.2	5	4.25	9.25		0	0	30.75	21.5	27	
120	200306	24/05/2011	9A8	Chuyên Lí		3.1	4.25	7.35	6.25	5.8	6.75	4.25	11		0	0	30.4	19.4	28	
121	200398	07/06/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Tin	3.1	4.75	7.85	6.5	5.6	6.25	3.75	10				29.95	19.95	29	
122	200503	10/09/2011	9A3	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.85	5	7.85	7	5.4	6.5	3	9.5		v	0	29.75	20.25	30	
123	200234	12/07/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.85	2	4.85	8	9.2	5.6	2	7.6		12.4	12.4	29.65	34.45	31	30
124	200521	13/02/2011	9A1	Chuyên Lí		2.15	4	6.15	7.75	8	5.25	2.5	7.75		0	0	29.65	21.9	32	
125	200513	25/07/2011	9A	Chuyên Lí	Chuyên Anh	3.05	4.75	7.8	7.75	8.4	5.1	0.5	5.6		v	0	29.55	23.95	33	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
126	200108	29/12/2011	9A8	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.5	4.75	7.25	6.25	6.4	5.25	4.25	9.5		v	0	29.4	19.9	34	
127	200172	24/09/2011	9A2	Chuyên Lí	Chuyên Địa	3.1	4.5	7.6	6.25	6	5.35	4	9.35		0.75	0.75	29.2	20.6	35	39
128	200068	31/03/2011	9A1	Chuyên Lí		2.35	4	6.35	8.25	7.2	5.1	2.25	7.35		0	0	29.15	21.8	36	
129	200725	05/06/2011	9A2	Chuyên Lí		2.85	4.25	7.1	7.5	7.4	5.75	1.25	7		0	0	29	22	37	
130	200628	10/10/2011	9a1	Chuyên Lí		3.25	3.25	6.5	6	5.6	6.1	4.75	10.85		0	0	28.95	18.1	38	
131	200426	25/10/2011	9A3	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.9	4	6.9	7	8	4	2.75	6.75		3	3	28.65	24.9	39	109
132	200118	15/12/2011	9A3	Chuyên Lí	Chuyên Tin	3.05	4	7.05	6.75	5.2	5.6	4	9.6		9.6	9.6	28.6	28.6	40	28
133	200261	14/02/2011	9D	Chuyên Lí		3.25	2	5.25	6.5	8	4.75	4	8.75		0	0	28.5	19.75	41	
134	200421	01/03/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.9	4.5	7.4	7.25	7.2	5.25	1.25	6.5	5.25	4.05	9.3	28.35	31.15	42	26
135	200123	05/09/2011	9A3	Chuyên Lí		2.45	5	7.45	6.5	6.4	6	2	8		0	0	28.35	20.35	43	
136	200350	19/08/2011	9A5	Chuyên Lí	Chuyên Tin	3.25	4.5	7.75	7.75	6.6	4.85	1.25	6.1		9.5	9.5	28.2	31.6	44	16
137	200704	15/11/2011	9A3	Chuyên Lí		2.9	3.75	6.65	7.25	7.4	4.35	2.5	6.85		0	0	28.15	21.3	45	
138	200185	25/01/2011	9A8	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.7	5	7.7	6.75	8.6	2.7	2.25	4.95		4.625	4.625	28	27.675	46	80
139	200584	07/07/2011	9a1	Chuyên Lí		2.65	3	5.65	6.75	4.8	6.25	4.5	10.75		0	0	27.95	17.2	47	
140	200429	28/09/2011	9D	Chuyên Lí		3.05	3	6.05	7.25	7.4	5	2	7		0	0	27.7	20.7	48	
141	200472	17/07/2011	9A7	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.05	4.25	6.3	6	8.4	5.35	1.25	6.6		9.55	9.55	27.3	30.25	49	62
142	200473	01/01/2011	9A2	Chuyên Lí		2.85	4	6.85	6.5	4.4	6.5	3	9.5		0	0	27.25	17.75	50	
143	200121	28/06/2011	9D	Chuyên Lí		2.35	2.5	4.85	7.5	6.4	3.5	4.5	8		0	0	26.75	18.75	51	
144	200382	24/12/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.85	5	7.85	7.75	5	5.5	0.5	6	5.25	7.15	12.4	26.6	33	52	17
145	200183	29/04/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Anh	3.05	5.25	8.3	6.5	7	3.25	1.5	4.75		v	0	26.55	21.8	53	
146	200444	27/03/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.7	3.25	5.95	7.5	6.8	4.45	1.75	6.2		2.85	2.85	26.45	23.1	54	131
147	200115	02/05/2011	9D	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.7	2.5	5.2	6	7.6	4.5	3	7.5		5.2	5.2	26.3	24	55	116
148	200488	22/02/2011	9A2	Chuyên Lí		3.25	2.75	6	8.25	5.2	3.85	2.5	6.35		0	0	25.8	19.45	56	
149	200165	30/04/2011	9A1	Chuyên Lí		3.05	3.5	6.55	3.75	6	5.75	3.5	9.25		0	0	25.55	16.3	58	
150	200187	20/10/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Tin	3.25	1	4.25	7.5	7	3.95	2.5	6.45		2	2	25.2	20.75	59	55

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
151	200624	23/08/2011	9A1	Chuyên Lí		3.25	4	7.25	6	6	4.25	1.25	5.5		0	0	24.75	19.25	60	
152	200713	23/03/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.15	3	5.15	7	8	3.35	0.75	4.1		7.15	7.15	24.25	27.3	61	85
153	200437	16/05/2011	9a1	Chuyên Lí		3.05	2.25	5.3	6	5.6	4.6	2.5	7.1		0	0	24	16.9	62	
154	200189	07/05/2011	9a2	Chuyên Lí		2.65	3	5.65	5.25	5.8	5.5	1.5	7		0	0	23.7	16.7	63	
155	200508	26/02/2011	9A1	Chuyên Lí		2.7	3	5.7	7	5.2	3.85	1.75	5.6		0	0	23.5	17.9	64	
156	200191	07/01/2011	9a1	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.85	3.25	6.1	5.75	5.2	5.25	1	6.25		v	0	23.3	17.05	65	
157	200585	07/07/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Anh	3.1	3	6.1	6.75	6.6	3.1	0.5	3.6		1.3	1.3	23.05	20.75	66	149
158	200112	20/05/2011	9A4	Chuyên Lí		2.85	4.25	7.1	6	4	3.75	2	5.75		0	0	22.85	17.1	68	
159	200114	30/10/2011	9A5	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	3.05	1.5	4.55	5.75	6	3.6	2	5.6	4	3.125	7.125	21.9	23.425	70	80
160	200667	01/01/2011	9a1	Chuyên Lí	Chuyên Tin	3.1	2.5	5.6	5.5	7.4	2.85	0.5	3.35		9.5	9.5	21.85	28	71	31
161	200292	14/03/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Tin	2.4	2.25	4.65	6.5	4.4	2.85	3.25	6.1		3	3	21.65	18.55	72	68
162	200195	03/11/2011	9D	Chuyên Lí		3.3	2	5.3	4.75	2.6	5.5	3.25	8.75		0	0	21.4	12.65	73	
163	200199	22/03/2011	9A3	Chuyên Lí	Chuyên Tin	2.5	3.5	6	6	4.6	3.25	1.5	4.75				21.35	16.6	74	
164	200412	06/10/2011	9D	Chuyên Lí		2.5	3.5	6	6	4.8	3.5	1	4.5		0	0	21.3	16.8	75	
165	200225	14/11/2011	9A2	Chuyên Lí		2.1	1.5	3.6	4.75	6	4.1	2.5	6.6		0	0	20.95	14.35	76	
166	200206	20/06/2011	9C	Chuyên Lí	Chuyên Tin	2.65	2	4.65	5	6.4	4.1	0.75	4.85	0			20.9	16.05	77	
167	200243	19/07/2011	9A8	Chuyên Lí		2.5	2	4.5	6.5	4.4	3.5	1.75	5.25		0	0	20.65	15.4	78	
168	200764	10/10/2011	9A3	Chuyên Lí		2.7	1.75	4.45	7.25	3.8	4.6	0.5	5.1		0	0	20.6	15.5	79	
169	200029		9A3	Chuyên Lí	Chuyên Anh	1.7	1.5	3.2	8	5	3.1	1	4.1		2.85	2.85	20.3	19.05	80	154
170	200242	23/07/2011	9A5	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.85	3.5	6.35	5.25	3.6	4.1	1	5.1		v	0	20.3	15.2	81	
171	200219	22/03/2012	8A	Chuyên Lí		2.65	1	3.65	3.5	4.6	7	1.25	8.25		0	0	20	11.75	82	
172	200353	16/04/2011	9A4	Chuyên Lí		2.5	1	3.5	5.25	4.8	4.85	1.25	6.1		0	0	19.65	13.55	83	
173	200251	16/05/2011	9A2	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.5	2.25	4.75	6	3.8	3.25	1	4.25	4.25	4.75	9	18.8	23.55	84	78
174	200244	02/09/2011	9A3	Chuyên Lí	Chuyên Địa	3.1	1.75	4.85	5	3.6	3.75	1.5	5.25		0	0	18.7	13.45	85	
175	200227	16/07/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.15	1.25	3.4	6.5	3.8	2.35	1	3.35	3.1	2.625	5.725	17.05	19.425	87	103

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
176	200394	06/08/2011	9E	Chuyên Lí	Chuyên Tin	1	0.5	1.5	5.25	3.6	5	0.5	5.5			15.85	10.35	88		
177	200728	24/02/2011	9A5	Chuyên Lí	Chuyên Địa	2.9	1	3.9	2.75	4.2	3.35	0.5	3.85		0.5	0.5	14.7	11.35	89	62
178	200094	13/01/2011	9A2	Chuyên Lí		1.65	0	1.65	4.5	4.2	2.2	0.25	2.45		0	0	12.8	10.35	90	
179	200467	01/06/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.7	5.5	8.2	9	8.4		v	0	5.5	9.4	14.9	25.6	40.5		1
180	200164	24/10/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Anh	2.35	3.5	5.85	7.75	9.4		v	0		15.5	15.5	23	38.5		7
181	200003	20/08/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Địa	2.85	1.25	4.1	7.25	6.8		v	0		4.75	4.75	18.15	22.9		20
182	200175	19/11/2011	9A1	Chuyên Lí	Chuyên Tin	3.05	4.75	7.8	7.5	6.8		v	0		6.5	6.5	22.1	28.6		29
183	200177	12/05/2011	9e	Chuyên Lí	Chuyên Sinh	2.05	0	2.05	3.5	4.4		v	0	3.6	0	3.6	9.95	13.55		115
184	200621	23/12/2011	9A	Chuyên Lí	Chuyên Anh				5	7		v	0		v	0	12	12		
185	200707	20/05/2011	9D	Chuyên Lí	Chuyên Anh				0			v	0		0	0	0	0		
186	200729	08/01/2011	9A8	Chuyên Lí					0			v	0		0	0	0	0		
187	200349	02/10/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.05	6	9.05	7.75	7.6	7.5	11	18.5		9.6	9.6	42.9	34	1	7
188	200395	13/02/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.1	5.75	8.85	7.5	9.2	7.5	9	16.5		5.7	5.7	42.05	31.25	2	56
189	200564	17/10/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	5.25	8.5	7.75	9	7.75	7.25	15		9.425	9.425	40.25	34.675	3	27
190	200656	21/12/2011	9A3	Chuyên Toán		2.85	5	7.85	8.75	9.2	7.5	6.25	13.75		0	0	39.55	25.8	4	
191	200058	12/10/2011	9E	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.25	5.25	8.5	8.25	8.2	7	7.5	14.5	5	3.75	8.75	39.45	33.7	5	15
192	200190	24/08/2011	9A1	Chuyên Toán		3.25	5.75	9	7.75	9	7.25	6.25	13.5		0	0	39.25	25.75	6	
193	200275	05/07/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.1	5	8.1	8.75	9	7.75	5.5	13.25		v	0	39.1	25.85	7	
194	200393	10/12/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	5	8.25	7.5	9	6.75	7.5	14.25		v	0	39	24.75	8	
195	200248	07/11/2011	9A4	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	5	8.25	8	8.4	7	7.25	14.25		5	5	38.9	29.65	9	64
196	200706	06/06/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	5	8.25	6.75	8.8	7.5	7.5	15				38.8	23.8	10	
197	200209	26/01/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	5	8.25	8.5	8.6	7	6.25	13.25		6.1	6.1	38.6	31.45	11	50
198	200567	15/03/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	5.25	8.5	8	8.6	7.25	6.25	13.5		v	0	38.6	25.1	12	
199	200052	06/03/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	2.35	6	8.35	8	8.4	6.75	6.5	13.25				38	24.75	13	
200	200533	27/12/2011	9E	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.85	5.5	8.35	8	8.8	6.5	6.25	12.75		6.15	6.15	37.9	31.3	14	53

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
201	200625	03/12/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	2.85	5	7.85	8.25	7.2	7	7.5	14.5		6.5	6.5	37.8	29.8	15	23
202	200550	24/05/2011	9A5	Chuyên Toán		3.1	5	8.1	8	8.4	6.75	6.25	13		0	0	37.5	24.5	16	
203	200290	01/12/2011	9A5	Chuyên Toán		3.25	5	8.25	8	8.8	7.25	4.75	12		0	0	37.05	25.05	17	
204	200259	25/10/2011	9A	Chuyên Toán		3.05	4.75	7.8	7.25	7.4	5	9.5	14.5		0	0	36.95	22.45	18	
205	200504	08/01/2011	9a1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	4.5	7.75	8.75	7.4	7	5.75	12.75				36.65	23.9	19	
206	200339	19/07/2011	9A1	Chuyên Toán		3.05	5	8.05	8.75	8	6.75	5	11.75		0	0	36.55	24.8	20	
207	200516	28/06/2011	9A5	Chuyên Toán		3.25	5	8.25	8	7.8	7.25	5.25	12.5		0	0	36.55	24.05	21	
208	200327	21/06/2011	9a2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.85	5	7.85	7.25	8.6	6	6.5	12.5	0	5.8	5.8	36.2	29.5	22	67
209	200015	24/02/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	5.25	8.5	7.75	8.4	6.25	5.25	11.5				36.15	24.65	23	
210	200180	31/10/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	5	8.25	6	9.4	7.25	5.25	12.5		v	0	36.15	23.65	24	
211	200141	16/07/2011	9A3	Chuyên Toán		3.25	6	9.25	7.25	7	7.75	4.75	12.5		0	0	36	23.5	25	
212	200523	03/10/2011	9A	Chuyên Toán		3.1	5	8.1	6.75	7.4	6	7.75	13.75		0	0	36	22.25	26	
213	200232	14/03/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.1	5	8.1	8	7.6	7.25	5	12.25		v	0	35.95	23.7	27	
214	200080	09/04/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.9	5.25	8.15	8.5	8.2	5.75	5.25	11		4.65	4.65	35.85	29.5	28	68
215	200722	24/03/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	5.25	8.5	7.25	8.4	5.5	6	11.5				35.65	24.15	29	
216	200075	29/06/2011	9a2	Chuyên Toán		3.05	5.25	8.3	8.5	8	6.25	4.5	10.75		0	0	35.55	24.8	30	
217	200008	12/02/2011	9A1	Chuyên Toán		3.25	4.75	8	7.25	7.8	8	4.5	12.5		0	0	35.55	23.05	31	
218	200456	13/01/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.85	5.5	8.35	9	8.8	7.5	1.75	9.25		12.15	12.15	35.4	38.3	32	8
219	200487	19/08/2011	9A2	Chuyên Toán		3.1	4.25	7.35	8.75	7.8	6.5	5	11.5		0	0	35.4	23.9	33	
220	200397	23/10/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.1	5	8.1	8.25	8.2	6.75	4	10.75	5.5	7.25	12.75	35.3	37.3	34	5
221	200478	11/02/2011	9A5	Chuyên Toán		3.05	4.25	7.3	8.25	7.6	6.5	5.5	12		0	0	35.15	23.15	35	
222	200465	05/03/2011	9D	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.85	5.5	8.35	7.75	8.2	7.25	3.5	10.75	5	5.375	10.38	35.05	34.675	36	9
223	200019	27/11/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.05	4.75	7.8	8.25	9.2	6.25	3.5	9.75		10.13	10.13	35	35.375	37	22
224	200086	24/01/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.9	4.25	7.15	7.25	7.6	5.75	7.25	13		v	0	35	22	38	
225	200149	03/12/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	5.25	8.5	8	7.4	5.75	5.25	11		2.55	2.55	34.9	26.45	39	90

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
226	200299	10/12/2011	9D	Chuyên Toán	Chuyên Sử	3.25	5	8.25	6	8.6	7.75	4.25	12		4.5	4.5	34.85	27.35	40	22
227	200041			Chuyên Toán		3.25	5	8.25	8	7.6	6	5	11		0	0	34.85	23.85	41	
228	200050	23/12/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.7	5.5	8.2	8.5	8.6	6	3.5	9.5	5.25	7.375	12.63	34.8	37.925	42	3
229	200241	18/11/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.65	5	7.65	8	8.4	7	3.75	10.75		4.95	4.95	34.8	29	43	70
230	200411	28/01/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.1	5.5	8.6	6.5	7.4	7.25	5	12.25		v	0	34.75	22.5	44	
231	200681	04/04/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Tin	2.85	4.5	7.35	8.5	7.8	7	4	11		9.5	9.5	34.65	33.15	45	9
232	200230	06/06/2011	9A3	Chuyên Toán		3.05	4.5	7.55	7.25	9	6.25	4.5	10.75		0	0	34.55	23.8	46	
233	200073	01/05/2011	9a5	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	4.75	8	7.5	8	7.5	3.5	11		v	0	34.5	23.5	47	
234	200091	02/11/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.05	5.75	8.8	6.5	7.6	6.75	4.75	11.5	5	3.375	8.375	34.4	31.275	48	24
235	200196	22/01/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.05	5	8.05	6	6.6	6.75	7	13.75		v	0	34.4	20.65	49	
236	200665	15/11/2011		Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.05	5.5	8.55	7.25	8	6	4.5	10.5		4.35	4.35	34.3	28.15	50	76
237	200544	17/10/2011	9A5	Chuyên Toán		3.1	5	8.1	8	7.6	6.75	3.75	10.5		0	0	34.2	23.7	51	
238	200270	24/03/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.65	5	7.65	7.25	8.2	6	5	11		9.5	9.5	34.1	32.6	52	43
239	200537	08/11/2011	9A7	Chuyên Toán		2.3	5	7.3	8	7.8	6.25	4.75	11		0	0	34.1	23.1	53	
240	200658	01/06/2011	9A2	Chuyên Toán		2.75	5.5	8.25	7.5	8	6.75	3.5	10.25		0	0	34	23.75	54	
241	200211	25/01/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	2.3	5	7.3	7.5	7.4	5.75	5.75	11.5		16.2	16.2	33.7	38.4	55	2
242	200392	02/03/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Địa	3.25	5	8.25	8	8.4	6	3	9		0	0	33.65	24.65	56	
243	200643	16/01/2011	9A5	Chuyên Toán		3.1	5.25	8.35	7	8	6.5	3.75	10.25		0	0	33.6	23.35	57	
244	200286	30/04/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Sử	2.9	5	7.9	7.5	7.2	7.25	3.75	11		0	0	33.6	22.6	58	
245	200009	15/10/2011	9A	Chuyên Toán		3.5	5	8.5	7.5	5.2	6.35	6	12.35		0	0	33.55	21.2	59	
246	200555	25/05/2011	9a3	Chuyên Toán		2.85	4.75	7.6	7.5	7.4	6	4.75	10.75		0	0	33.25	22.5	60	
247	200105			Chuyên Toán		2.9	5	7.9	7.75	8.4	6.5	2.5	9		0	0	33.05	24.05	61	
248	200731	13/11/2011	9A2	Chuyên Toán		3.25	4.75	8	7.25	7.8	6	4	10		0	0	33.05	23.05	62	
249	200291	28/11/2011	9A1	Chuyên Toán		3.25	2.5	5.75	7.5	8.2	6.5	5	11.5		0	0	32.95	21.45	63	
250	200289	28/02/2011	9A2	Chuyên Toán		3.5	4.75	8.25	7.5	7.8	6.25	3	9.25		0	0	32.8	23.55	64	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
251	200210	16/08/2011	9A5	Chuyên Toán		2.85	5	7.85	6.5	8.2	7.5	2.75	10.25		0	0	32.8	22.55	65	
252	200133	07/12/2011	9A5	Chuyên Toán		3.25	5.5	8.75	7.25	8	4.75	4	8.75		0	0	32.75	24	66	
253	200471	29/04/2012	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.1	5.5	8.6	6.25	8.6	5.75	3.5	9.25		17.5	17.5	32.7	40.95	67	1
254	200338	24/12/2011	9E	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	5.25	8.5	8.25	9.2	6.25	0.5	6.75		13.58	13.58	32.7	39.525	68	3
255	200737	17/05/2011	9A3	Chuyên Toán		3.25	5.25	8.5	6.5	8.8	5.25	3.5	8.75		0	0	32.55	23.8	69	
256	200312	21/04/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	4.75	8	7.25	8.4	5.5	3.25	8.75		9.4	9.4	32.4	33.05	70	37
257	200452	08/10/2011		Chuyên Toán		2.9	5.25	8.15	6.25	5	6.5	6.5	13		0	0	32.4	19.4	71	
258	200249	19/09/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	4.5	7.75	8	8.8	5.75	2	7.75		9.2	9.2	32.3	33.75	72	33
259	200335	04/11/2011	9a5	Chuyên Toán		3.25	4.75	8	6.75	8.2	7	2.25	9.25		0	0	32.2	22.95	73	
260	200089	04/04/2011	9A5	Chuyên Toán		2.9	5.5	8.4	7.5	6	6.5	3.75	10.25		0	0	32.15	21.9	74	
261	200580	17/04/2011	9A1	Chuyên Toán		2.85	5	7.85	7	6	6.5	4.75	11.25		0	0	32.1	20.85	75	
262	200326	08/03/2011	9A1	Chuyên Toán		3.05	4.75	7.8	8	6.8	7	2.25	9.25		0	0	31.85	22.6	76	
263	200648	22/07/2011	9A1	Chuyên Toán		3.25	5.25	8.5	7.25	5.8	6.75	3.5	10.25		0	0	31.8	21.55	77	
264	200079	13/01/2011	9A5	Chuyên Toán		3.1	5	8.1	6.5	7	5.5	4.5	10		0	0	31.6	21.6	78	
265	200446	20/09/2011	9A5	Chuyên Toán		3.25	5	8.25	7	8.4	6	1.75	7.75		0	0	31.4	23.65	79	
266	200036	16/04/2011	9A4	Chuyên Toán		3.05	4.5	7.55	8.25	7	7	1.5	8.5		0	0	31.3	22.8	80	
267	200484	04/10/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.85	4.25	7.1	6.75	9.8	5.75	1.75	7.5		14.5	14.5	31.15	38.15	81	9
268	200130	10/07/2011	9A	Chuyên Toán		3.25	4.75	8	7.75	7.4	5.75	2.25	8		0	0	31.15	23.15	82	
269	200333	11/10/2011	9A5	Chuyên Toán		3.25	5	8.25	7.5	7.4	6.25	1.75	8		0	0	31.15	23.15	83	
270	200046	20/08/2011	9A4	Chuyên Toán		3.25	4.75	8	6.5	7.4	7.25	2	9.25		0	0	31.15	21.9	84	
271	200198	08/10/2011	9A2	Chuyên Toán		3.1	4.78	7.88	7.5	6.4	4.85	4.25	9.1		0	0	30.88	21.78	85	
272	200245	23/08/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.85	5	7.85	7.75	5	6.25	4	10.25		v	0	30.85	20.6	86	
273	200616	16/10/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.05	5	8.05	7.25	8.6	6.25	0.5	6.75		8.65	8.65	30.65	32.55	87	44
274	200599	07/07/2011	9A4	Chuyên Toán		2.65	5	7.65	6.75	6	6.25	4	10.25		0	0	30.65	20.4	88	
275	200169	08/01/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.05	4.5	7.55	7.5	8	4.5	3	7.5		4.5	4.5	30.55	27.55	89	81

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
276	200045	05/08/2011	9A5	Chuyên Toán		2.85	4.25	7.1	7.75	5.4	6.5	3.75	10.25		0	0	30.5	20.25	90	
277	200100	10/12/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	5.5	8.75	7.5	7.2	6.25	0.5	6.75		11.2	11.2	30.2	34.65	91	5
278	200694	20/09/2011	9A5	Chuyên Toán		3.25	5	8.25	6.5	7.2	6	2.25	8.25		0	0	30.2	21.95	92	
279	200445	28/04/2011	9a7	Chuyên Toán		2.4	4.75	7.15	7.25	6.8	7	2	9		0	0	30.2	21.2	93	
280	200686	22/07/2011	9C	Chuyên Toán		3.25	4.75	8	6.75	7.4	6.25	1.75	8		0	0	30.15	22.15	94	
281	200151	08/08/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Sử	3.25	5	8.25	7.75	7.2	4.5	2.25	6.75		3.25	3.25	29.95	26.45	95	27
282	200514	14/03/2011	9A1	Chuyên Toán		3.25	4.25	7.5	6.25	7.6	5.75	2.75	8.5		0	0	29.85	21.35	96	
283	200181	13/10/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	5	8.25	5.25	4.6	6.25	5.5	11.75				29.85	18.1	97	
284	200439	18/02/2011	9A2	Chuyên Toán		3.1	3.75	6.85	7.75	7.8	3.95	3.5	7.45		0	0	29.85	22.4	98	
285	200407	27/01/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.5	5	8.5	7.25	7.8	5.75	0.5	6.25	4.1	3.25	7.35	29.8	30.9	99	28
286	200027	12/01/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.85	3.5	6.35	7.5	8.2	5.75	2	7.75		7.5	7.5	29.8	29.55	100	65
287	200417	13/04/2011	9A	Chuyên Toán		2.9	4.5	7.4	5.75	6.8	7	2.75	9.75		0	0	29.7	19.95	101	
288	200215	10/08/2011	9A2	Chuyên Toán		2.6	5	7.6	7	7.2	3.75	4	7.75		0	0	29.55	21.8	102	
289	200582	15/04/2011	9A1	Chuyên Toán		3.25	5	8.25	6.25	6.8	6.75	1.25	8		0	0	29.3	21.3	103	
290	200448	11/06/2011	9A6	Chuyên Toán	Chuyên Sử	3.05	3.25	6.3	7	7.6	5.6	2.75	8.35		7	7	29.25	27.9	104	19
291	200307	01/01/2011	9A4	Chuyên Toán		3.05	4.25	7.3	7.5	7.4	5.5	1.5	7		0	0	29.2	22.2	105	
292	200352	23/04/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	3	6.25	0	9	5.5	8.25	13.75		14.95	14.95	29	30.2	106	63
293	200641	31/08/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.05	4.75	7.8	7.75	7.8	5.1	0.5	5.6		10.6	10.6	28.95	33.95	107	8
294	200615	11/08/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.5	4.5	7	6.75	9.4	5.25	0.5	5.75		13.98	13.98	28.9	37.125	108	16
295	200708	26/07/2011	9A2	Chuyên Toán		3.05	4.75	7.8	7	7.6	6	0.5	6.5		0	0	28.9	22.4	109	
296	200741	25/03/2011	9C	Chuyên Toán		3.25	4.5	7.75	7.5	6.2	6	1.25	7.25		0	0	28.7	21.45	110	
297	200197	12/10/2011	9A4	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.65	5	7.65	6.25	8.2	4	2.5	6.5		7.3	7.3	28.6	29.4	111	69
298	200301	16/11/2011	9C	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.05	4.25	7.3	7	7.2	5.6	1.5	7.1		v	0	28.6	21.5	112	
299	200062	19/02/2011	9A1	Chuyên Toán		2.4	2.75	5.15	9	7.2	4.25	3	7.25		0	0	28.6	21.35	113	
300	200652	30/06/2011	9A4	Chuyên Toán		2.9	5	7.9	7.5	5.2	4.5	3.5	8		0	0	28.6	20.6	114	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
301	200004	08/11/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.8	2.5	5.3	7.75	6	5.75	3.75	9.5	3.5	3.25	6.75	28.55	25.8	115	62
302	200727	03/03/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.7	4	6.7	6.25	8.8	6.25	0.5	6.75		10.9	10.9	28.5	32.65	116	41
303	200683	11/08/2011	9D	Chuyên Toán		3.05	3.25	6.3	7.5	6.8	5.85	2	7.85		0	0	28.45	20.6	117	
304	200401	20/02/2011	9B	Chuyên Toán		3.05	5.25	8.3	6.5	5.4	5.75	2.5	8.25		0	0	28.45	20.2	118	
305	200535	24/04/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.25	4.25	7.5	8.25	8.4	4	0.25	4.25		7.15	7.15	28.4	31.3	119	55
306	200755	12/04/2011	9A1	Chuyên Toán		3.05	3.75	6.8	8.5	7.6	4.75	0.75	5.5		0	0	28.4	22.9	120	
307	200626	02/11/2011	9a6	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.3	5	7.3	4.5	9.2	5.35	2	7.35		6.7	6.7	28.35	27.7	121	79
308	200096	24/11/2011	9A4	Chuyên Toán		2.35	4.75	7.1	7	7.8	5.5	0.75	6.25		0	0	28.15	21.9	122	
309	200373	11/05/2011	9A1	Chuyên Toán		3.1	4.5	7.6	8.5	6.4	4.35	1.25	5.6		0	0	28.1	22.5	123	
310	200113	05/05/2011	9A3	Chuyên Toán		2.85	4	6.85	5.25	7	7	2	9		0	0	28.1	19.1	124	
311	200534	13/07/2011	9A6	Chuyên Toán		2.9	4.5	7.4	7.75	6.8	5.35	0.75	6.1		0	0	28.05	21.95	125	
312	200907	01/01/2011		Chuyên Toán		3.25	4.25	7.5	6.5	5.6	6.25	2	8.25		0	0	27.85	19.6	126	
313	200345	23/10/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.55	4	6.55	7.5	6.4	6	1.25	7.25	5.45	4.125	9.575	27.7	30.025	127	34
314	200608	02/09/2011	9A2	Chuyên Toán		2.7	2.25	4.95	7.25	6.8	6.25	2.25	8.5		0	0	27.5	19	128	
315	200207	05/07/2011	9D	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.25	2.75	6	6.25	5.8	5.75	3.7	9.45		v	0	27.5	18.05	129	
316	200218	25/12/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	4.25	7.5	5.5	6.2	7.75	0.5	8.25				27.45	19.2	130	
317	200098	26/02/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.05	4.5	7.55	6	6.8	7	0	7		8.8	8.8	27.35	29.15	131	25
318	200642	20/04/2011	9A1	Chuyên Toán		2.9	4.75	7.65	8	6.2	5	0.5	5.5		0	0	27.35	21.85	132	
319	200403	03/12/2011	9C	Chuyên Toán	Chuyên Địa	3.25	3.75	7	7	7	5.5	0.75	6.25		1.5	1.5	27.25	22.5	133	23
320	200703	01/02/2011	9A2	Chuyên Toán		2.7	3.25	5.95	7.25	7.4	6	0.5	6.5		0	0	27.1	20.6	134	
321	200659		9a3	Chuyên Toán		2.35	5.75	8.1	6.75	5.4	4.5	2.25	6.75		0	0	27	20.25	135	
322	200490	28/10/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.45	2.5	4.95	8.25	8.4	4.6	0.75	5.35		6.75	6.75	26.95	28.35	136	74
323	200268	24/08/2011	9C	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.6	4.5	7.1	6.5	5.8	6	1.5	7.5	6	4.75	10.75	26.9	30.15	137	32
324	200143	11/06/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	3.5	6.75	7.25	5.2	6	1.5	7.5		2.1	2.1	26.7	21.3	138	54
325	200581	27/07/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.25	4.5	7.75	8.25	4.4	5.25	1	6.25		v	0	26.65	20.4	139	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
326	200742	03/05/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Tin	2.35	4	6.35	7.75	7.6	4.5	0	4.5		3	3	26.2	24.7	141	44
327	200416	22/05/2011	9A	Chuyên Toán	Chuyên Sử	3.25	3.25	6.5	6.75	5.8	4.85	2.25	7.1		6.75	6.75	26.15	25.8	142	30
328	200051	24/07/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.3	3.75	7.05	6.5	6	5.5	1	6.5				26.05	19.55	143	
329	200162	01/01/2011	9A4	Chuyên Toán		3.25	4	7.25	7	4.8	5	2	7		0	0	26.05	19.05	144	
330	200137	10/10/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	4.25	7.5	7.5	4.2	5.85	1	6.85				26.05	19.2	145	
331	200600	01/04/2011	9A	Chuyên Toán	Chuyên Tin	2.1	4	6.1	6.75	6.6	5	1.5	6.5				25.95	19.45	146	
332	200443	22/05/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.7	4.25	6.95	7.25	6.2	4.75	0.75	5.5		4.3	4.3	25.9	24.7	147	112
333	200124	28/06/2011	9A3	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.55	2.25	4.8	7.5	7.6	6	V	6		3.6	3.6	25.9	23.5	148	127
334	200370	27/06/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.9	4.25	7.15	7.25	6.4	3.6	1.5	5.1		1.4	1.4	25.9	22.2	149	138
335	200400	17/08/2011	9A1	Chuyên Toán		3.25	4.5	7.75	6.75	6.4	4.5	0.5	5		0	0	25.9	20.9	150	
336	200072	11/04/2011	9A8	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.65	3.5	6.15	6.75	5.8	5.6	1.5	7.1		2.55	2.55	25.8	21.25	151	143
337	200590	25/03/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Sử	2.7	3.75	6.45	7.25	7.2	3.95	0.75	4.7		0	0	25.6	20.9	152	
338	200754	05/12/2011	9A4	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2	5	7	7.25	3.8	7.25	0.25	7.5		v	0	25.55	18.05	153	
339	200735	08/12/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Tin	3.25	4.5	7.75	7	5.6	5.1	0	5.1		9.5	9.5	25.45	29.85	154	22
340	200637	30/03/2011	9A4	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.5	3.5	6	6	7	4.25	2	6.25	5.25	3.525	8.775	25.25	27.775	155	45
341	200166	22/05/2011	9a1	Chuyên Toán	Chuyên Địa	2.55	4	6.55	7.25	5.4	5.25	0.75	6		1.75	1.75	25.2	20.95	156	35
342	200629	05/05/2011	9A3	Chuyên Toán		2.9	5.5	8.4	7.5	2	5.25	2	7.25		0	0	25.15	17.9	157	
343	200263	13/08/2011	9a5	Chuyên Toán	Chuyên Sử	3.05	4.25	7.3	6	4.8	5.75	0.75	6.5		0	0	24.6	18.1	158	
344	200028	23/12/2011	9A3	Chuyên Toán		2.65	2.75	5.4	6.75	6.2	4.6	1.5	6.1		0	0	24.45	18.35	159	
345	200698	03/04/2011	9a6	Chuyên Toán	Chuyên Anh	2.85	4	6.85	5.5	7.2	2.75	1.5	4.25		4.5	4.5	23.8	24.05	160	115
346	200099	28/07/2011	9D	Chuyên Toán	Chuyên Sử	2.7	5.25	7.95	6	4.6	4.75	0.25	5		0	0	23.55	18.55	161	
347	200066	08/12/2011	9A7	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.3	2	5.3	7.5	6.2	3.6	0.5	4.1		v	0	23.1	19	162	
348	200127	20/03/2011	9A5	Chuyên Toán		3.3	4.75	8.05	7.25	6.4		1	1		0	0	22.7	21.7	164	
349	200605	06/04/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.9	4	6.9	5.75	3.8	5.5	0.5	6	4.75	2.625	7.375	22.45	23.825	165	77
350	200220	05/04/2011	9A2	Chuyên Toán					6.5	6.8	6.25	2.75	9		0	0	22.3	13.3	166	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
351	200511	20/06/2011	9A1	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.7	1.75	4.45	7.25	5.6	5	0	5	5.5	4.5	10	22.3	27.3	167	47
352	200005	09/07/2011	9A4	Chuyên Toán		2.9	2.25	5.15	6.5	5	5.25	0	5.25		0	0	21.9	16.65	168	
353	200372	11/12/2011	9a1	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.9	3.25	6.15	6.5	5.4	3.35	0	3.35	4.5	3.5	8	21.4	26.05	169	58
354	200146	21/04/2011	9A	Chuyên Toán	Chuyên Tin	1.7	2.25	3.95	7.25	3.6	5.35	1.25	6.6				21.4	14.8	170	
355	200759	29/09/2011	9A8	Chuyên Toán		3.05	2	5.05	3.75	6.4	4.85	0	4.85		0	0	20.05	15.2	172	
356	200063	09/12/2012	8A2	Chuyên Toán	Chuyên Anh				7.5	8.2	3.7	0.5	4.2		7.825	7.825	19.9	23.525	173	125
357	200611	27/01/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.7	2.25	4.95	6	3	5	0.75	5.75	2.85	2.625	5.475	19.7	19.425	174	104
358	200635	23/08/2012	8B	Chuyên Toán		2.45	1	3.45	6.75	4.8	3.7	0.75	4.45		0	0	19.45	15	175	
359	200666	29/03/2011	9C	Chuyên Toán	Chuyên Địa	2.65	0.75	3.4	5.5	4	3.6	1.75	5.35		0	0	18.25	12.9	176	
360	200522	04/02/2011	9A2	Chuyên Toán		3.1	2.75	5.85	5.25	5		1.5	1.5		0	0	17.6	16.1	177	
361	200902	15/03/2012		Chuyên Toán		1.1	0	1.1	7	3.4	3.5		3.5		0	0	15	11.5	179	
362	200724	16/12/2011	9a6	Chuyên Toán		2.25	0.5	2.75	0		4.6	0	4.6		0	0	7.35	2.75	183	
363	200369	24/09/2011	9a1	Chuyên Toán	Chuyên Anh				0		5.35	0.25	5.6		v	0	5.6	0	184	
364	200365	17/04/2011	9E	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.05	5	8.05	8.75	9.4		v	0		13.53	13.53	26.2	39.725		1
365	200070	09/02/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	3.1	4.5	7.6	8	7.2		v	0	5	5.75	10.75	22.8	33.55		16
366	200668	20/01/2011	9a1	Chuyên Toán	Chuyên Tin	1.55	0.5	2.05	7.25	7		v	0		5.9	5.9	16.3	22.2		51
367	200636	18/06/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Sinh	2.1	1.75	3.85	6.75	4		v	0	3.2	3.175	6.375	14.6	20.975		96
368	200233	13/08/2011	9A6	Chuyên Toán	Chuyên Anh	3.1	5	8.1	5.75	7		v	0		2.85	2.85	20.85	23.7		122
369	200702	30/10/2008	9a1	Chuyên Toán	Chuyên Anh				0			v	0		0	0	0	0		
370	200732	04/08/2011	9A4	Chuyên Toán	Chuyên Anh				0			v	0		0	0	0	0		
371	200743	16/04/2011	9a7	Chuyên Toán	Chuyên Anh				0			v	0		0	0	0	0		
372	200747	05/12/2011	9A7	Chuyên Toán	Chuyên Anh				0			v	0		0	0	0	0		
373	200763	08/11/2011	9A5	Chuyên Toán	Chuyên Anh				0			v	0		0	0	0	0		
374	200543	08/09/2011	lớp 9A	Chuyên Toán	Chuyên Anh				0			v	0		v	0	0	0		
375	200389	01/01/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Sinh				0			v	0		v	0	0	0		

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL				
376	200710	24/08/2011	9	Chuyên Toán	Chuyên Tin	1.7	1	2.7	7.5	4.2		V	0			14.4	14.4		
377	200721	03/11/2011	9A	Chuyên Toán	Chuyên Tin				0			V	0			0	0		
378	200761	01/01/2011	9A2	Chuyên Toán	Chuyên Tin				0			V	0			0	0		
379	200092	06/01/2011	9a2	Chuyên Toán		0.9	0	0.9	5	3		V	0	0	0	8.9	8.9		
380	200723	09/04/2011	9B	Chuyên Toán					0			V	0	0	0	0	0		
381	200749	16/08/2011	9A2	Chuyên Toán					0			V	0	0	0	0	0		
382	200751	03/10/2011	9A	Chuyên Toán					0			V	0	0	0	0	0		
383	200760	13/08/2011	9A2	Chuyên Toán					0			V	0	0	0	0	0		
384	200540	01/09/2011	9A1	Chuyên Toán								V	0	0	0	0	0		
385	200552	20/12/2011	9A3	Chuyên Văn		3.05	4.5	7.55	9.25	9		17.25	17.25	0	0	43.05	25.8	1	
386	200405	14/05/2011	9C	Chuyên Văn		3.05	4	7.05	8	7.8		18	18	0	0	40.85	22.85	2	
387	200402	03/01/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.85	5.5	8.35	8.75	9.4		13.75	13.75	12.35	12.35	40.25	38.85	3	5
388	200644	21/10/2011	9A2	Chuyên Văn		2.7	4.5	7.2	8.75	7.6		16.25	16.25	0	0	39.8	23.55	4	
389	200332	05/10/2011	9A2	Chuyên Văn		3.05	5.25	8.3	9.25	7.8		13.75	13.75	0	0	39.1	25.35	5	
390	200468			Chuyên Văn		2.4	1.75	4.15	8.25	7.8		18.75	18.75	0	0	38.95	20.2	6	
391	200065	26/06/2011	9A1	Chuyên Văn		2.7	3.25	5.95	8.75	9		15	15	0	0	38.7	23.7	7	
392	200587	26/08/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	3.05	4.5	7.55	8.25	9.6		12.75	12.75	7.925	7.925	38.15	33.325	8	36
393	200457	06/12/2011	9a4	Chuyên Văn		3.1	4.25	7.35	8.5	8		14	14	0	0	37.85	23.85	9	
394	200038	18/02/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.85	4	6.85	8.25	8.2		14.25	14.25	3.35	3.35	37.55	26.65	10	86
395	200285	21/04/2011	9A1	Chuyên Văn		3.25	5	8.25	8.75	7.4		13	13	0	0	37.4	24.4	11	
396	200042	29/08/2011	9a3	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.85	5	7.85	8.75	9		11.75	11.75	11.83	11.83	37.35	37.425	12	13
397	200077	01/01/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Anh	3.25	5.25	8.5	8	8.6		12.25	12.25	6.25	6.25	37.35	31.35	13	52
398	200267	31/10/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.85	4	6.85	8	8.2		14	14	7.8	7.8	37.05	30.85	14	58
399	200323	11/04/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Địa	3.25	4.25	7.5	8.25	6.4		14.75	14.75	0	0	36.9	22.15	15	
400	200341	22/07/2011	9a2	Chuyên Văn		3.25	4.5	7.75	8.75	7.2		12.75	12.75	0	0	36.45	23.7	16	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
401	200240	08/10/2011	9A1	Chuyên Văn		3.1	3.25	6.35	9	6.6		14.25	14.25		0	0	36.2	21.95	17	
402	200480	10/03/2011	9A7	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	3.25	4.75	8	8	7.6		12.5	12.5	4.25	6.25	10.5	36.1	34.1	18	13
403	200001	22/12/2011	9A4	Chuyên Văn		3.05	3.5	6.55	7.75	9		12.75	12.75		0	0	36.05	23.3	19	
404	200573	22/05/2011	9A3	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	3.25	3	6.25	8.5	7.2		13.5	13.5	4	4.125	8.125	35.45	30.075	20	33
405	200293	05/11/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	3.25	3.75	7	8.25	7.4		12.75	12.75		v	0	35.4	22.65	21	
406	200348	05/09/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Anh	3.25	4.5	7.75	7.75	6.8		12.75	12.75		3.15	3.15	35.05	25.45	22	99
407	200714	09/09/2011	9A1	Chuyên Văn		2.55	3.5	6.05	8.5	4.8		15.5	15.5		0	0	34.85	19.35	23	
408	200387	12/01/2011	9D	Chuyên Văn	Chuyên Anh	3.1	3.25	6.35	8	8.8		11.5	11.5		7.375	7.375	34.65	30.525	24	60
409	200379	30/03/2011	9a1	Chuyên Văn	Chuyên Địa	3.05	3.75	6.8	8	6.8		13	13		0	0	34.6	21.6	25	
410	200524	03/07/2011	9A5	Chuyên Văn		2.55	3	5.55	8.5	7.2		13.25	13.25		0	0	34.5	21.25	26	
411	200142	01/04/2011	9A2	Chuyên Văn		2.65	3.25	5.9	8.75	6.6		13.25	13.25		0	0	34.5	21.25	27	
412	200603	09/12/2011	9A3	Chuyên Văn	Chuyên Sử	3.25	2.5	5.75	9	5.8		13.75	13.75		4.75	4.75	34.3	25.3	28	32
413	200428	30/04/2011	9A1	Chuyên Văn		2.85	2.5	5.35	7.75	7.6		13.25	13.25		0	0	33.95	20.7	29	
414	200617	14/01/2011	9A1	Chuyên Văn		3.1	5	8.1	7.5	4.6		13.75	13.75		0	0	33.95	20.2	30	
415	200649	03/09/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.2	1	3.2	8.25	8.2		14.25	14.25		v	0	33.9	19.65	31	
416	200695	28/06/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Địa	1.8	4	5.8	8.25	3.8		16	16		5	5	33.85	22.85	32	21
417	200562	19/10/2011	9A1	Chuyên Văn		3.05	1.75	4.8	8	7		13.75	13.75		0	0	33.55	19.8	33	
418	200383	11/11/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Anh	3.05	3.5	6.55	7.75	8.8		10.25	10.25		11.48	11.48	33.35	34.575	34	28
419	200298	20/11/2011	9A3	Chuyên Văn		2.85	4	6.85	7.75	8		10.75	10.75		0	0	33.35	22.6	35	
420	200592	24/06/2011	9A2	Chuyên Văn		1	1.5	2.5	7.75	7		16	16		0	0	33.25	17.25	36	
421	200455	08/02/2011	9a1	Chuyên Văn		2.5	2	4.5	7.5	6.4		14.5	14.5		0	0	32.9	18.4	37	
422	200336	01/09/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.7	2.25	4.95	8.25	6.4		13.25	13.25	3.75	2.25	6	32.85	25.6	38	65
423	200500	24/06/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.45	1.75	4.2	8.5	7.2		12.75	12.75		14	14	32.65	33.9	39	5
424	200048	23/08/2011	9a2	Chuyên Văn	Chuyên Anh	1.55	3.75	5.3	8	7.8		11.5	11.5		3.85	3.85	32.6	24.95	40	108
425	200276	16/05/2011	9B	Chuyên Văn	Chuyên Địa	2.55	2.75	5.3	8.25	7.8		11.25	11.25		1	1	32.6	22.35	41	25

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
426	200119	13/08/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.9	2.75	5.65	8.75	6.6		11.5	11.5		5.5	5.5	32.5	26.5	42	25
427	200630	25/10/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Địa	2.9	3	5.9	8.25	7.6		10.75	10.75		0.75	0.75	32.5	22.5	43	24
428	200122	06/04/2011	9A4	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.7	3.5	6.2	7	8.2		11	11		5.15	5.15	32.4	26.55	44	88
429	200577	06/01/2011	9A4	Chuyên Văn		2.9	2	4.9	7.75	6		13.75	13.75		0	0	32.4	18.65	45	
430	200675	12/01/2011	9A2	Chuyên Văn		1.9	1.75	3.65	8.25	4.8		15.5	15.5		0	0	32.2	16.7	46	
431	200021	15/07/2011	9A1	Chuyên Văn		2.9	1.75	4.65	8.75	6		12.75	12.75		0	0	32.15	19.4	47	
432	200385	13/05/2011	9A1	Chuyên Văn		3.25	4.25	7.5	8.75	2.4		13.5	13.5		0	0	32.15	18.65	48	
433	200228	27/04/2011	9A1	Chuyên Văn		2.05	1.75	3.8	8.5	7.8		12	12		0	0	32.1	20.1	49	
434	200384	02/07/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	3.1	3.25	6.35	7.75	7.6		10.25	10.25	5.25	4.875	10.13	31.95	31.825	50	22
435	200380	15/03/2011	9D	Chuyên Văn		2.9	2.5	5.4	8.25	5		13.25	13.25		0	0	31.9	18.65	51	
436	200178	10/11/2011	9A6	Chuyên Văn		3.1	3	6.1	8.25	5.8		11.5	11.5		0	0	31.65	20.15	52	
437	200033	29/04/2011	9A4	Chuyên Văn		1.95	2.5	4.45	7.75	7.4		12	12		0	0	31.6	19.6	53	
438	200528	16/06/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Sử	1.7	1.25	2.95	8	7.4		13.25	13.25		0	0	31.6	18.35	54	
439	200147	29/03/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Địa	3.05	3.25	6.3	7.75	5.6		11.75	11.75		0.5	0.5	31.4	20.15	55	42
440	200390	04/12/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.15	1.5	3.65	8	6.6		13	13		4	4	31.25	22.25	56	136
441	200530	08/04/2011	9B	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.55	1.25	3.8	9	8.4		10	10		4.55	4.55	31.2	25.75	57	97
442	200463	29/03/2011	9A	Chuyên Văn		2.2	3.5	5.7	7.5	6.2		11.75	11.75		0	0	31.15	19.4	58	
443	200304	02/01/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.65	2.25	4.9	7.75	7.4		11	11		3.9	3.9	31.05	23.95	59	118
444	200406	01/05/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sử	3.05	3.5	6.55	7	8.4		9	9		4.5	4.5	30.95	26.45	60	26
445	200256	18/12/2011	9a5	Chuyên Văn	Chuyên Tin	3.1	4	7.1	7	6.6		10.25	10.25		11	11	30.95	31.7	61	12
446	200368	11/11/2011	9D	Chuyên Văn		2.9	2	4.9	7.25	6		12.5	12.5		0	0	30.65	18.15	62	
447	200150	10/08/2011	9A5	Chuyên Văn		2.35	2.25	4.6	8	4.8		13.25	13.25		0	0	30.65	17.4	63	
448	200283	02/02/2011	9A5	Chuyên Văn		1.8	3.25	5.05	8	4.8		12.5	12.5		0	0	30.35	17.85	64	
449	200632			Chuyên Văn		2.5	3.5	6	6.75	5.8		11.75	11.75		0	0	30.3	18.55	65	
450	200274	06/08/2011	9a4	Chuyên Văn		1.7	2.75	4.45	7.75	5.8		12.25	12.25		0	0	30.25	18	66	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
451	200594	13/10/2011	9a1	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2	2.25	4.25	7.75	6.2		12	12		11.25	11.25	30.2	29.45	67	12
452	200229	11/11/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.4	1.75	4.15	8	5.8		12.25	12.25	4.2	2.625	6.825	30.2	24.775	68	71
453	200200	13/04/2011	9a6	Chuyên Văn		3.05	2.5	5.55	8.25	3.4		13	13		0	0	30.2	17.2	69	
454	200069	19/07/2011	9A4	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.7	3	5.7	8	5.2		11.25	11.25		7.25	7.25	30.15	26.15	70	28
455	200423	20/03/2011	9A2	Chuyên Văn		2.45	2.25	4.7	7.5	6.2		11.75	11.75		0	0	30.15	18.4	71	
456	200619	24/06/2011	9A1	Chuyên Văn		2.9	1.25	4.15	7.75	6		12.25	12.25		0	0	30.15	17.9	72	
457	200692	22/11/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	3.25	1.5	4.75	8.25	6		11	11		3.1	3.1	30	22.1	73	139
458	200012	22/12/2011	9A3	Chuyên Văn		2.8	2	4.8	7.75	6.2		11.25	11.25		0	0	30	18.75	74	
459	200201	08/02/2011	9a3	Chuyên Văn		2.45	2	4.45	8.75	5.2		11.5	11.5		0	0	29.9	18.4	75	
460	200129	05/10/2011	9a	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.85	3.75	6.6	8	4.4		10.75	10.75	3.25	3.875	7.125	29.75	26.125	76	56
461	200682	04/04/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.7	4	6.7	7.75	5.2		10	10	5	4.75	9.75	29.65	29.4	77	37
462	200650	06/11/2011	9A3	Chuyên Văn		2.45	1.5	3.95	8.25	4.6		12.75	12.75		0	0	29.55	16.8	78	
463	200106	15/05/2011	9A6	Chuyên Văn		3.5	1.5	5	7.75	7.2		9.5	9.5		0	0	29.45	19.95	79	
464	200560	14/11/2011	9B	Chuyên Văn		2.85	2.75	5.6	7.5	5.8		10.5	10.5		0	0	29.4	18.9	80	
465	200606	20/01/2011	9A5	Chuyên Văn		2.15	2.75	4.9	7	4.2		13.25	13.25		0	0	29.35	16.1	81	
466	200343	29/07/2012	8A7	Chuyên Văn	Chuyên Anh	1.55	1.25	2.8	7.25	8.4		10.75	10.75		7.625	7.625	29.2	26.075	82	92
467	200376	20/12/2011	9a1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.25	1.25	3.5	9	4.2		12.5	12.5	3.45	1.4	4.85	29.2	21.55	83	91
468	200441	31/10/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.5	1.75	4.25	8.5	5.2		11.25	11.25		0	0	29.2	17.95	84	
469	200434	02/12/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.15	1.75	3.9	7.5	7.2		10.5	10.5		3	3	29.1	21.6	85	141
470	200328	24/04/2011	9A	Chuyên Văn		2.5	5.25	7.75	8.25	2.8		10	10		0	0	28.8	18.8	86	
471	200158	12/06/2011	9A4	Chuyên Văn	Chuyên Anh	1.6	1.5	3.1	7.75	7.2		10.5	10.5		5.85	5.85	28.55	23.9	87	119
472	200104	21/08/2011	9B	Chuyên Văn		1.55	2	3.55	8	5		12	12		0	0	28.55	16.55	88	
473	200297	16/02/2011	9a5	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.65	2.75	5.4	7.5	5		10.5	10.5	4.1	2.25	6.35	28.4	24.25	89	74
474	200449	17/08/2011	9A4	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.9	1	3.9	8.25	8.4		7.75	7.75		5.4	5.4	28.3	25.95	90	93
475	200264	08/06/2011	9A2	Chuyên Văn		2.05	1.5	3.55	8.25	5.2		11.25	11.25		0	0	28.25	17	91	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
476	200322	02/11/2011	9A3	Chuyên Văn	Chuyên Địa	3.05	2	5.05	7.25	5.4		10.5	10.5		7	7	28.2	24.7	92	12
477	200545	14/11/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Tin	2.65	2	4.65	7.25	3.8		12.5	12.5		5.9	5.9	28.2	21.6	93	53
478	200043	21/01/2011	9D	Chuyên Văn	Chuyên Anh	1.95	0.75	2.7	6.5	8.2		10.5	10.5		7.675	7.675	27.9	25.075	94	105
479	200378	09/07/2011	9A3	Chuyên Văn	Chuyên Anh	1.9	2	3.9	7.5	6		10.5	10.5		3.4	3.4	27.9	20.8	95	148
480	200509	15/07/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.85	2.5	5.35	8.25	3.4		10.75	10.75	4.25	5.875	10.13	27.75	27.125	96	48
481	200103	16/07/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	1	1.5	2.5	6.25	8.4		10.5	10.5		6.7	6.7	27.65	23.85	97	120
482	200497	04/09/2011	9A5	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.7	2.5	5.2	7	4.4		11	11	4.75	5.025	9.775	27.6	26.375	98	55
483	200136			Chuyên Văn		1.9	1.25	3.15	8	3.4		13	13		0	0	27.55	14.55	99	
484	200049	12/01/2011	9A3	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.9	3.75	6.65	8	7		5.75	5.75		7	7	27.4	28.65	100	15
485	200167		9A3	Chuyên Văn	Chuyên Sử	3.05	1.25	4.3	6.5	7		9.5	9.5		3.5	3.5	27.3	21.3	101	43
486	200593	21/03/2011	9a4	Chuyên Văn		1.4	1.25	2.65	7.75	3.6		13.25	13.25		0	0	27.25	14	102	
487	200548	25/03/2011	9b	Chuyên Văn	Chuyên Địa	2.35	1.75	4.1	7.75	5.6		9.75	9.75		4.5	4.5	27.2	21.95	103	29
488	200284	21/03/2011	9A4	Chuyên Văn		2.45	1	3.45	7.25	6.2		10.25	10.25		0	0	27.15	16.9	104	
489	200715	04/07/2011	9A3	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.1	1.5	3.6	7.75	4		11.25	11.25		1.75	1.75	26.6	17.1	105	65
490	200413	05/09/2011	9a1	Chuyên Văn	Chuyên Địa	2.65	1	3.65	6.5	6		10.25	10.25		2.5	2.5	26.4	18.65	106	46
491	200607	18/12/2011	9D	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2	0	2	6.5	8.4		9.25	9.25		6.075	6.075	26.15	22.975	107	132
492	200610	06/05/2011	9A3	Chuyên Văn		2.85	1.75	4.6	6.75	4.2		10.5	10.5		0	0	26.05	15.55	108	
493	200018	20/03/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Sử	1.15	0.25	1.4	6.75	6		11.75	11.75		3.5	3.5	25.9	17.65	109	62
494	200324	09/12/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.4	0	2.4	8	4.6		10.75	10.75		8	8	25.75	23	110	38
495	200570	13/04/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.85	1.25	4.1	7	5.8		8.75	8.75	4.7	3.25	7.95	25.65	24.85	111	70
496	200153	08/06/2011	9a2	Chuyên Văn		1.15	0	1.15	7.75	4.6		12	12		0	0	25.5	13.5	112	
497	200566	31/05/2011	9A3	Chuyên Văn	Chuyên Sử	1.65	1.5	3.15	7.5	5		9.75	9.75		6.75	6.75	25.4	22.4	113	40
498	200750	13/01/2011	9D	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.9	4.25	7.15	6.25	6.2	5.25	0.5	5.75	2.6	1.625	4.225	25.35	23.825	114	76
499	200588	09/10/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.85	1.75	4.6	8	3		9.5	9.5		11.75	11.75	25.1	27.35	115	23
500	200433	11/04/2011	9A	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.9	1	3.9	8.25	8		4.5	4.5		12.9	12.9	24.65	33.05	116	38

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
501	200039	19/05/2011	9A5	Chuyên Văn		2.45	1.25	3.7	7.25	3.2		10.5	10.5		0	0	24.65	14.15	117	
502	200739	16/02/2011	9a1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.3	4	6.3	5.75	7.2		5.25	5.25	4.1	3.125	7.225	24.5	26.475	118	52
503	200420	10/08/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	1.05	0.75	1.8	7.25	4.4		10.25	10.25	3.75	1.5	5.25	23.7	18.7	119	108
504	200559	07/11/2011	9A3	Chuyên Văn		0.55	0.25	0.8	7.5	2.8		12.5	12.5		0	0	23.6	11.1	120	
505	200744	06/12/2011	9C	Chuyên Văn		2.3	2.5	4.8	8.5	3.4		6.75	6.75		0	0	23.45	16.7	121	
506	200087	20/07/2011	9A4	Chuyên Văn	Chuyên Tin	1.35	1.75	3.1	6.75	3.8		9.75	9.75		9.5	9.5	23.4	23.15	122	50
507	200269	16/01/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	3.05	3.75	6.8	7.25	7		2.25	2.25	3.2	8.25	11.45	23.3	32.5	123	20
508	200604	29/10/2011	9A4	Chuyên Văn		1.5	1	2.5	7	4.2		9.25	9.25		0	0	22.95	13.7	124	
509	200726	18/07/2011	9A4	Chuyên Văn		1.5	3.25	4.75	7	6		5	5		0	0	22.75	17.75	125	
510	200279	05/04/2011	9A1	Chuyên Văn		1.35	1.5	2.85	6.75	3.8		9	9		0	0	22.4	13.4	127	
511	200023	17/05/2011	9A7	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.9	2	4.9	6.75	6.4		4	4		2.85	2.85	22.05	20.9	128	146
512	200591	17/09/2011	9A1	Chuyên Văn					8.25			12.5	12.5		0	0	20.75	8.25	129	
513	200135	06/12/2012	8A4	Chuyên Văn					7.75			12.5	12.5		0	0	20.25	7.75	131	
514	200418	03/08/2011	9A4	Chuyên Văn	Chuyên Địa	1.7	0	1.7	6.5	4.6		7.25	7.25		1.25	1.25	20.05	14.05	132	58
515	200482		8A4	Chuyên Văn	Chuyên Sử	1.65	0	1.65		4		7	7		6	6	12.65	11.65	143	67
516	200758	24/07/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Sử	2.85	4.25	7.1	7.25	5.6		v	0		5.25	5.25	19.95	25.2		33
517	200551	08/06/2011	9A3	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2	3.25	5.25	8	9.4		v	0		10.28	10.28	22.65	32.925		39
518	200574	27/07/2011	9A	Chuyên Văn	Chuyên Địa	1.55	1.75	3.3	6	3.4		v	0		6	6	12.7	18.7		45
519	200712	09/11/2012	8A9	Chuyên Văn	Chuyên Tin				0	8.2		v	0		15.5	15.5	8.2	23.7		49
520	200609	28/08/2011	9E	Chuyên Văn	Chuyên Địa	1.95	1	2.95	5	5.8		v	0		2.75	2.75	13.75	16.5		51
521	200498	05/04/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.1	1.5	3.6	8.25	5.6		v	0	3.85	5.125	8.975	17.45	26.425		53
522	200586	22/06/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Sử	1.1	1.5	2.6	7	3.2		v	0		5.75	5.75	12.8	18.55		56
523	200035	22/05/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.85	1.75	4.6	7	6		v	0	3.35	4.875	8.225	17.6	25.825		61
524	200295	26/03/2011	9a1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	3.3	1.75	5.05	7	5.2		v	0	3.5	3.5	7	17.25	24.25		75
525	200060	01/02/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	3.05	0	3.05	8	3.4		v	0	5.1	4	9.1	14.45	23.55		79

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
526	200614	24/10/2011	9A2	Chuyên Văn	Chuyên Sinh	2.25	2	4.25	6.25	3.4	v	0	3.2	4.775	7.975	13.9	21.875		89	
527	200287	26/09/2011	9a2	Chuyên Văn	Chuyên Anh	2.15	2.5	4.65	7.5	8.2	v	0		5.85	5.85	20.35	26.2		91	
528	200329	25/06/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Anh	1.65	0.25	1.9	7.25	8.6	v	0		5.6	5.6	17.75	23.35		128	
529	200711	17/06/2011	9A8	Chuyên Văn	Chuyên Anh				0		v	0		0	0	0	0			
530	200716	18/02/2011	9A1	Chuyên Văn	Chuyên Địa				0		v	0		0	0	0	0			
531	200748	16/07/2011	9A7	Chuyên Văn	Chuyên Sử				0		v	0		0	0	0	0			
532	200719	02/01/2011	9A2	Chuyên Văn		1.45	0	1.45	4.5	2.6	v	0		0	0	8.55	8.55			
533	200391		9a2	Chuyên Văn		2.7	0.5	3.2	0	2.6	v	0		0	0	5.8	5.8			
534	200155	07/04/2011	9a1	Chuyên Văn							v	0		0	0	0	0			
535	200223			Chưa ĐK	Chưa ĐK	2.9	3.75	6.65	5.75	8		12	12	5.5	5.5	32.4	25.9			
536	200494			Chưa ĐK	Chưa ĐK	2.5	0.75	3.25	6	8.6		0	0	6	6	17.85	23.85			
537	200040			Chưa ĐK	Chưa ĐK	2.1	1.5	3.6	8.25	5.4		0	0	6.5	6.5	17.25	23.75			
538	200432			Chưa ĐK	Chưa ĐK	2.65	0.5	3.15	8	7.6		12.75	12.75	4.95	4.95	31.5	23.7			
539	200319			Chưa ĐK	Chưa ĐK	3.05	1.75	4.8	7	5.2		12.5	12.5	6	6	29.5	23			
540	200071			Chưa ĐK	Chưa ĐK	3.05	3.75	6.8	8	5.6		9.25	9.25	0	0	29.65	20.4			
541	200226			Chưa ĐK	Chưa ĐK	2.85	3.25	6.1	7.25	6.6		0	0	0	0	19.95	19.95			
542	200253			Chưa ĐK	Chưa ĐK	1.35	1.25	2.6	6.25	5.2		0	0	3.25	3.25	14.05	17.3			
543	200013			Chưa ĐK	Chưa ĐK	1.35	0.25	1.6	6	4		0	0	0.5	0.5	11.6	12.1			
544	200572	03/07/2011	9B		Chuyên Địa	3.25	4	7.25	7.75	7.4		0	0	10.75	10.75	22.4	33.15		1	
545	200024	28/07/2011	9A1		Chuyên Sử	3.5	4.5	8	7.75	7.2		0	0	15.75	15.75	22.95	38.7		1	
546	200026	10/05/2011	9A5		Chuyên Anh	3.25	4.25	7.5	8.25	9.8		0	0	14.05	14.05	25.55	39.6		2	
547	200672	26/09/2011	9B		Chuyên Địa	3.05	2	5.05	7.75	7.8		0	0	11.75	11.75	20.6	32.35		2	
548	200081	02/09/2011	9A2		Chuyên Sinh	3.05	5	8.05	8	9.2		0	0	4.75	8.75	13.5	25.25	38.75	2	
549	200144	13/09/2011	9A5		Chuyên Sử	3.1	4	7.1	8.75	8.2		0	0	13.5	13.5	24.05	37.55		2	
550	200419	07/08/2010	9A5		Chuyên Địa	2.3	4.25	6.55	7	6		0	0	12.25	12.25	19.55	31.8		3	

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
551	200542	07/04/2011	9a2		Chuyên Sử	2.7	3	5.7	7	6.6		0	0		16.25	16.25	19.3	35.55		3
552	200906	19/03/2011			Chuyên Tin	2.9	5.25	8.15	7.5	8.4			0		13.75	13.75	24.05	37.8		3
553	200645	02/01/2011	9A3		Chuyên Anh	2.9	5.25	8.15	8.75	9.2		0	0		13.35	13.35	26.1	39.45		4
554	200647	18/07/2011	9A2		Chuyên Địa	2.8	2.75	5.55	8	5.8		0	0		11.75	11.75	19.35	31.1		4
555	200203	24/03/2011	9A2		Chuyên Sinh	3.05	4.5	7.55	7	7.4		0	0	5.75	9.625	15.38	21.95	37.325		4
556	200558	03/03/2011	9A2		Chuyên Sử	3.25	2.5	5.75	8.5	8.2		0	0		12.25	12.25	22.45	34.7		4
557	200102	18/04/2011	9A4		Chuyên Tin	2.85	3.5	6.35	8.25	7.4		0	0		14.5	14.5	22	36.5		4
558	200224	19/04/2011	9E		Chuyên Địa	2.85	3.5	6.35	6.75	6.2		0	0		11.75	11.75	19.3	31.05		5
559	200231	23/06/2011	9A6		Chuyên Anh	3.05	3.5	6.55	7.25	9.8		0	0		15.18	15.18	23.6	38.775		6
560	200422	29/05/2011	9A1		Chuyên Địa	2.3	2.25	4.55	7.5	5.2		0	0		13.5	13.5	17.25	30.75		6
561	200132	03/05/2011	9A3		Chuyên Sinh	3.25	5	8.25	6.5	7.4		0	0	5.5	9.5	15	22.15	37.15		6
562	200192	22/12/2011	9a1		Chuyên Sử	2.85	3.5	6.35	6.75	8.6		0	0		12	12	21.7	33.7		6
563	200454	10/10/2011	9A1		Chuyên Tin	3.25	4.75	8	8	8.8		0	0		9.75	9.75	24.8	34.55		6
564	200595	17/12/2011	9A1		Chuyên Địa	3.25	3	6.25	7.75	4.8		0	0		9	9	18.8	27.8		7
565	200733	30/09/2011	9A1		Chuyên Sinh	3.1	4.75	7.85	8.5	7.4		0	0	5.25	7	12.25	23.75	36		7
566	200310	18/04/2011	9A2		Chuyên Sử	3.05	4.5	7.55	7.5	6		0	0		11.5	11.5	21.05	32.55		7
567	200654	29/03/2011	9A2		Chuyên Địa	1.9	2.25	4.15	7.5	7.2		0	0		7.5	7.5	18.85	26.35		8
568	200031	21/07/2011	9A4		Chuyên Sinh	3.25	3.25	6.5	8.75	7.6		0	0	5.25	7.125	12.38	22.85	35.225		8
569	200438		9A2		Chuyên Sử	2.7	3.5	6.2	7.25	7.8		0	0		10.75	10.75	21.25	32		8
570	200436	15/09/2011	9A9		Chuyên Địa	3.1	2.75	5.85	7	6.2		0	0		7.25	7.25	19.05	26.3		9
571	200014	13/08/2011	9C		Chuyên Sử	1.7	2.25	3.95	7.75	8.4		0	0		10.75	10.75	20.1	30.85		9
572	200677	08/11/2011	9A1		Chuyên Anh	3.25	5	8.25	8.5	9		0	0		12.2	12.2	25.75	37.95		10
573	200561	01/09/2011	9A1		Chuyên Địa	1.75	0.5	2.25	6.5	4.8		0	0		11.75	11.75	13.55	25.3		10
574	200410	15/11/2011	9a2		Chuyên Sinh	3.05	5	8.05	7.5	8		0	0	5.5	5.5	11	23.55	34.55		10
575	200064	15/02/2011	9A		Chuyên Sử	2.7	4.25	6.95	8.5	5.8		0	0		9.5	9.5	21.25	30.75		10

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
576	200308	08/04/2011	9A1		Chuyên Tin	3.05	5	8.05	7	7.4		0	0		10.5	10.5	22.45	32.95		10
577	200536	09/02/2011	9A1		Chuyên Anh	3.05	5	8.05	7.75	9.2		0	0		12.85	12.85	25	37.85		11
578	200601	09/06/2011	9a2		Chuyên Địa	2.3	1.75	4.05	7.25	5.8		0	0		8	8	17.1	25.1		11
579	200517	27/02/2011	9A2		Chuyên Sinh	3.1	3.5	6.6	8.25	5.6		0	0	5.35	8.625	13.98	20.45	34.425		11
580	200315	20/11/2011	9A5		Chuyên Sử	3.25	3	6.25	8	6.2		0	0		9.75	9.75	20.45	30.2		11
581	200553	31/08/2011	9A6		Chuyên Tin	3.1	5	8.1	8	6.8		0	0		9.5	9.5	22.9	32.4		11
582	200002	31/08/2011	9A10		Chuyên Anh	3.05	4.5	7.55	7	9.4		0	0		13.88	13.88	23.95	37.825		12
583	200689	08/12/2011	9A3		Chuyên Sinh	3.1	3.25	6.35	7.75	8		0	0	3.6	8.625	12.23	22.1	34.325		12
584	200453	26/07/2011	9A1		Chuyên Sử	3.5	2.25	5.75	7.5	4.8		0	0		11	11	18.05	29.05		13
585	200331	09/01/2011	9A1		Chuyên Tin	3.1	5.75	8.85	6.75	7.6		0	0		8.5	8.5	23.2	31.7		13
586	200459	27/06/2011	9A2		Chuyên Anh	3.25	5.5	8.75	8	9.2		0	0		11.35	11.35	25.95	37.3		14
587	200160				Chuyên Địa	2.3	2.25	4.55	6.75	5		0	0		8.25	8.25	16.3	24.55		14
588	200239	12/12/2011	9A5		Chuyên Sinh	2.9	3.5	6.4	8	6.4		0	0	5.5	7.5	13	20.8	33.8		14
589	200208	28/10/2011	9A1		Chuyên Sử	3.05	1.75	4.8	6	7.2		0	0		11	11	18	29		14
590	200415	30/07/2011	9A1		Chuyên Tin	3.05	5	8.05	6.5	7.6		0	0		9.5	9.5	22.15	31.65		14
591	200131	22/04/2011	9A3		Chuyên Anh	3.25	5.75	9	8	8.8		0	0		11.5	11.5	25.8	37.3		15
592	200527	12/06/2011	9a9		Chuyên Địa	2.85	1	3.85	8	4.6		0	0		8	8	16.45	24.45		15
593	200515	09/03/2011	9B		Chuyên Tin	3.05	2.75	5.8	5.5	6.6		0	0		13.75	13.75	17.9	31.65		15
594	200222	31/07/2011	9A1		Chuyên Sử	2.15	1	3.15	7.5	8.6		0	0		9	9	19.25	28.25		16
595	200109	29/09/2011	9A1		Chuyên Anh	2.9	4.5	7.4	8	9.2		0	0		12.4	12.4	24.6	37		17
596	200596	26/07/2012	9A2		Chuyên Địa	2.45	3.5	5.95	6.75	5.4		0	0		6	6	18.1	24.1		17
597	200685	29/07/2011	9A5		Chuyên Sử	2.5	1.75	4.25	8.5	4.4		0	0		11	11	17.15	28.15		17
598	200148	07/05/2011	9A2		Chuyên Tin	3.25	3.5	6.75	8	7.2		0	0		9.5	9.5	21.95	31.45		17
599	200720	25/06/2011	9A2		Chuyên Anh	2.6	3.5	6.1	7.5	8.8		11.25	11.25		14.45	14.45	33.65	36.85		18
600	200034	28/11/2011	9A1		Chuyên Địa	2	1	3	6.5	6.8		0	0		7.5	7.5	16.3	23.8		18

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2		Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2	
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL					Tổng
601	200427	08/07/2011	9B		Chuyên Sinh	2.65	2.75	5.4	8	7.6		0	0	5	6.75	11.75	21	32.75		18
602	200351	05/02/2011	9a1		Chuyên Tin	2.85	3.5	6.35	7	8.2		0	0		9.75	9.75	21.55	31.3		18
603	200363	25/02/2011	9A2		Chuyên Anh	2.8	4.25	7.05	8.75	9.4		0	0		10.78	10.78	25.2	35.975		19
604	200381	10/02/2011	9a5		Chuyên Địa	2	1.75	3.75	7.25	5		0	0		7	7	16	23		19
605	200255	26/06/2011	9A4		Chuyên Sinh	3.25	5	8.25	7.25	5.4		0	0	4.85	6.875	11.73	20.9	32.625		19
606	200007	09/11/2011	9A3		Chuyên Tin	3.25	3	6.25	8	8.4		0	0		8.5	8.5	22.65	31.15		19
607	200278	05/05/2011	9A3		Chuyên Anh	3.05	4.5	7.55	8	9		0	0		10.85	10.85	24.55	35.4		20
608	200053	05/03/2011	9A2		Chuyên Tin	3.25	4	7.25	8	6.4		0	0		9.5	9.5	21.65	31.15		20
609	200362	13/09/2011	9A4		Chuyên Anh	2.9	1.75	4.65	8	9.6		0	0		13.15	13.15	22.25	35.4		21
610	200303	06/01/2011	9A2		Chuyên Sinh	3.25	4.75	8	8.5	6.6		0	0	6	3.125	9.125	23.1	32.225		21
611	200296	10/03/2011	9D		Chuyên Sử	2.15	2	4.15	7.25	7		0	0		9	9	18.4	27.4		21
612	200690	16/09/2011	9A1		Chuyên Tin	3.05	2.5	5.55	7.75	7.2		0	0		9.5	9.5	20.5	30		21
613	200117	08/06/2011	9A1		Chuyên Địa	3.1	2	5.1	6.5	6.4		0	0		4.75	4.75	18	22.75		22
614	200311	02/01/2011	9A5		Chuyên Anh	3.25	5	8.25	7.5	8.6		0	0		10.9	10.9	24.35	35.25		23
615	200157	15/11/2011	9A2		Chuyên Sinh	3.05	4	7.05	7.5	7.4		0	0	5.75	4	9.75	21.95	31.7		23
616	200272	02/01/2011	9A2		Chuyên Anh	2.9	4	6.9	8.75	9		0	0		10.55	10.55	24.65	35.2		24
617	200496	14/09/2011	9A1		Chuyên Sử	1.95	1.25	3.2	6	6.4		0	0		11.5	11.5	15.6	27.1		24
618	200699	07/09/2011	9A2		Chuyên Tin	3.25	3.5	6.75	8.25	5		0	0		9.5	9.5	20	29.5		24
619	200057	26/11/2011	9A5		Chuyên Anh	2.85	4	6.85	8	9.2		0	0		11.1	11.1	24.05	35.15		25
620	200602	16/05/2011	9A2		Chuyên Anh	2.7	3.5	6.2	8.5	9.4		0	0		10.83	10.83	24.1	34.925		26
621	200408	11/02/2011	9a2		Chuyên Sinh	2.85	3.75	6.6	7.75	7.6		0	0	5	4	9	21.95	30.95		27
622	200156	15/10/2011	9a3		Chuyên Địa	2.7	3	5.7	7.75	2.8		0	0		5.75	5.75	16.25	22		28
623	200152	04/04/2011	9A1		Chuyên Anh	3.25	5	8.25	8	9.2		0	0		9.025	9.025	25.45	34.475		29
624	200377	28/02/2011	9A1		Chuyên Sử	2.8	1.5	4.3	7	7.2		0	0		7.5	7.5	18.5	26		29
625	200613	04/11/2011	9A2		Chuyên Sinh	2.5	3.5	6	6.5	7.6		0	0	4.75	5.675	10.43	20.1	30.525		30

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
626	200674	24/02/2011	9A2		Chuyên Tin	2.9	4.25	7.15	8.25	6.8		0	0		5.9	5.9	22.2	28.1		30
627	200386	22/09/2011	9A2		Chuyên Anh	2.85	3.5	6.35	8	9		0	0		10.93	10.93	23.35	34.275		31
628	200660	15/10/2011	9E		Chuyên Địa	1.55	2.25	3.8	7.5	3.8		0	0		6.5	6.5	15.1	21.6		31
629	200736	16/01/2011	9B		Chuyên Sinh	2.7	3.25	5.95	6.75	9		0	0	5.5	3	8.5	21.7	30.2		31
630	200657	20/05/2011	9D		Chuyên Sử	2.05	1.25	3.3	7.75	5.4		0	0		9.25	9.25	16.45	25.7		31
631	200399	22/05/2011	9A6		Chuyên Tin	2.3	1	3.3	8	7		0	0		9.5	9.5	18.3	27.8		32
632	200502	24/09/2011	9A1		Chuyên Tin	3.05	2.5	5.55	5.75	6.8		0	0		9.5	9.5	18.1	27.6		33
633	200673	01/01/2011	9A3		Chuyên Anh	3.25	4.75	8	8.75	9		0	0		8	8	25.75	33.75		34
634	200684	02/01/2011	9A3		Chuyên Địa	1.9	1.25	3.15	7	7.6		0	0		3.25	3.25	17.75	21		34
635	200718	09/01/2011	9A3		Chuyên Sử	3.05	2.75	5.8	6.75	7		0	0		5.25	5.25	19.55	24.8		34
636	200238	25/10/2011	9A2		Chuyên Tin	2.5	1.25	3.75	6.5	8.4		0	0		8.5	8.5	18.65	27.15		34
637	200688	11/03/2011	9A1		Chuyên Anh	2.5	3.5	6	6	9.2		0	0		12.45	12.45	21.2	33.65		35
638	200216	30/04/2011	9A8		Chuyên Sinh	3.05	3.5	6.55	6.5	5.2		0	0	5.25	6.5	11.75	18.25	30		35
639	200037	01/11/2011	9A1		Chuyên Sử	0.7	0.5	1.2	6.25	3.8		0	0		13.5	13.5	11.25	24.75		35
640	200221	12/12/2011	9a1		Chuyên Tin	2.1	3.5	5.6	7	8.4		0	0		6.1	6.1	21	27.1		35
641	200337	12/12/2011	9D		Chuyên Sinh	2.7	4	6.7	7.75	7.2		0	0	4.85	3.275	8.125	21.65	29.775		36
642	200520	11/03/2011	9c		Chuyên Sử	2.65	2.25	4.9	7.5	4.4		0	0		7.5	7.5	16.8	24.3		36
643	200138	09/04/2011	9c		Chuyên Tin	2.7	2.5	5.2	6.75	4.4		0	0		10.5	10.5	16.35	26.85		36
644	200032	19/07/2011	9A3		Chuyên Địa	2.85	1.75	4.6	7.5	5.2		0	0		3.5	3.5	17.3	20.8		37
645	200236	26/07/2011	9A2		Chuyên Tin	2.9	3.5	6.4	7.5	3.2		0	0		9.5	9.5	17.1	26.6		37
646	200597	13/08/2011	9A1		Chuyên Địa	2.65	1.25	3.9	7	3.4		0	0		6.5	6.5	14.3	20.8		38
647	200525	02/01/2011	9A4		Chuyên Sinh	2.7	3.75	6.45	6.5	7.2		0	0	4.75	4.3	9.05	20.15	29.2		38
648	200909	22/08/2012			Chuyên Tin				0	9.8			0		16.15	16.15	9.8	25.95		38
649	200061	14/07/2011	9A		Chuyên Sinh	2.15	2.75	4.9	9	6.8		0	0	5.25	3.125	8.375	20.7	29.075		39
650	200481				Chuyên Tin	2.85	3.5	6.35	6.25	3.8		0	0		9.5	9.5	16.4	25.9		39

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
651	200095	04/08/2011	9A4		Chuyên Anh	3.25	3.75	7	7.5	8.6		0	0		9.775	9.775	23.1	32.875		40
652	200622	22/08/2011	9a3		Chuyên Địa	2.15	1.75	3.9	7.75	5.2		0	0		3.75	3.75	16.85	20.6		40
653	200476	23/07/2011	9A1		Chuyên Sinh	3.05	1.25	4.3	6.75	6.4		0	0	5.75	5.675	11.43	17.45	28.875		40
654	200492	08/08/2011	9A4		Chuyên Địa	2.85	1	3.85	6.75	5.2		0	0		4.5	4.5	15.8	20.3		41
655	200518	16/01/2011	9A		Chuyên Sinh	2.75	3.75	6.5	8	6.8		0	0	4.25	3.275	7.525	21.3	28.825		41
656	200134	06/06/2011	9A5		Chuyên Sử	2.7	2.5	5.2	6.75	5.4		0	0		4.25	4.25	17.35	21.6		41
657	200579	29/09/2011	9A1		Chuyên Tin	2.05	1.75	3.8	6.75	5.2		0	0		9.5	9.5	15.75	25.25		41
658	200486	14/06/2011	9A4		Chuyên Anh	2.5	3	5.5	5.25	8.8		0	0		13.1	13.1	19.55	32.65		42
659	200634	12/08/2011	9A1		Chuyên Sử	2.15	1.75	3.9	6.75	4.8		0	0		6	6	15.45	21.45		42
660	200627	08/01/2011	9A1		Chuyên Tin	2.7	3.25	5.95	8.25	7.2		0	0		3.5	3.5	21.4	24.9		42
661	200651	30/08/2011	9A4		Chuyên Địa	1.75	0.75	2.5	5.25	6.2		0	0		6	6	13.95	19.95		43
662	200364	05/04/2011	9A3		Chuyên Sinh	3.05	4.25	7.3	8	4.8		0	0	4	4.125	8.125	20.1	28.225		43
663	200598	02/09/2011	9A1		Chuyên Địa	1.9	1	2.9	7.5	6		0	0		2.5	2.5	16.4	18.9		44
664	200583	13/05/2011	9D		Chuyên Sử	2.45	1.25	3.7	6.75	2.8		0	0		8	8	13.25	21.25		44
665	200568	07/09/2011	9a5		Chuyên Sử	2.65	2.5	5.15	7.5	2.8		0	0		5.75	5.75	15.45	21.2		45
666	200631	11/12/2011	9D		Chuyên Anh	3.25	2.5	5.75	7.75	9.6		0	0		9	9	23.1	32.1		46
667	200505	28/07/2011	9A3		Chuyên Sinh	1.55	4.25	5.8	7.75	4.6		0	0	4.6	4.75	9.35	18.15	27.5		46
668	200360	22/02/2011	9A2		Chuyên Anh	3.3	3.5	6.8	8.25	7.8		0	0		9.1	9.1	22.85	31.95		47
669	200519	08/05/2011	9A3		Chuyên Địa	2.5	1.75	4.25	6.25	4.4		0	0		3.5	3.5	14.9	18.4		47
670	200367	01/10/2011	9A4		Chuyên Sử	2.45	3	5.45	5.25	4.2		0	0		5.75	5.75	14.9	20.65		47
671	200669	08/01/2011	9A1		Chuyên Địa	1.75	0.75	2.5	6.25	4.8		0	0		3.75	3.75	13.55	17.3		48
672	200653	06/03/2011	9A4		Chuyên Anh	2.5	3	5.5	8.5	8		0	0		9.6	9.6	22	31.6		49
673	200344	14/04/2011	9A1		Chuyên Sinh	3.1	5	8.1	6.75	3.2		0	0	4.7	4.375	9.075	18.05	27.125		49
674	200612	26/12/2011	9a3		Chuyên Sử	1.55	1.5	3.05	7.25	5.6		0	0		4.25	4.25	15.9	20.15		49
675	200691	01/10/2011	9A5		Chuyên Địa	1.7	1	2.7	7	4.4		0	0		2.5	2.5	14.1	16.6		50

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
676	200507	22/04/2011	9a3		Chuyên Sinh	2.7	1.5	4.2	7	5.8		0	0	5.25	4.375	9.625	17	26.625		50
677	200556	02/07/2011	9a2		Chuyên Sử	2.85	1.75	4.6	6.5	6.6		0	0		2	2	17.7	19.7		50
678	200532	17/07/2011	9A3		Chuyên Sử	2.9	1.5	4.4	6.75	4.4		0	0		4	4	15.55	19.55		51
679	200056	30/08/2011	9A1		Chuyên Địa	2.5	1.5	4	6	5.2		0	0		0.75	0.75	15.2	15.95		52
680	200430	03/04/2011	9A2		Chuyên Sử	0.9	0.75	1.65	6.5	5.8		0	0		5.25	5.25	13.95	19.2		52
681	200569	07/01/2011	9A3		Chuyên Tin	2.1	2	4.1	7	5.4		0	0		5.3	5.3	16.5	21.8		52
682	200330	01/02/2011	9		Chuyên Địa	1.95	2	3.95	6.25	3.2		0	0		2	2	13.4	15.4		53
683	200006	12/06/2011	9a3		Chuyên Sử	2.3	2	4.3	7	5.8		0	0		2	2	17.1	19.1		53
684	200277	21/01/2011	9a2		Chuyên Anh	3.05	5	8.05	7.75	8.4		0	0		7.1	7.1	24.2	31.3		54
685	200182				Chuyên Địa	2.85	1.25	4.1	4.75	5.8		0	0		0.5	0.5	14.65	15.15		54
686	200139	15/11/2011	9E		Chuyên Sinh	2.7	4	6.7	6	5.2		0	0	4.25	4.25	8.5	17.9	26.4		54
687	200460	28/11/2011	9a3		Chuyên Sử	2.2	1.75	3.95	6	5.8		0	0		3.25	3.25	15.75	19		54
688	200076	08/08/2011	9A1		Chuyên Địa	1.6	0.5	2.1	6.25	5.6		0	0		1	1	13.95	14.95		56
689	200325	24/04/2011	9A2		Chuyên Tin	2.85	2	4.85	7	5		0	0		3.5	3.5	16.85	20.35		56
690	200313	28/08/2011	9A3		Chuyên Anh	3.05	4.75	7.8	7	8.6		0	0		7.6	7.6	23.4	31		57
691	200247		9A5		Chuyên Địa	1.95	1.5	3.45	6.25	3.2		0	0		1.25	1.25	12.9	14.15		57
692	200084	09/11/2011	9D		Chuyên Sinh	2.85	2	4.85	7.75	4.4		0	0	4.75	4.375	9.125	17	26.125		57
693	200512	05/02/2011	9a2		Chuyên Tin	2.7	2	4.7	6	5		0	0		4.5	4.5	15.7	20.2		57
694	200485	24/10/2011	9A6		Chuyên Tin	2.15	1	3.15	7.75	4.2		0	0		5	5	15.1	20.1		58
695	200170	26/08/2011	9A2		Chuyên Anh	3.5	4	7.5	5.75	9		0	0		8.55	8.55	22.25	30.8		59
696	200074	27/06/2011	9A1		Chuyên Sinh	3.05	2.25	5.3	7.25	5.8		0	0	3.95	3.625	7.575	18.35	25.925		59
697	200557	30/08/2011	9a1		Chuyên Địa	1.35	1.25	2.6	6.75	2.6		0	0		1.5	1.5	11.95	13.45		60
698	200571	14/04/2011	9D		Chuyên Sinh	2.8	1.75	4.55	8.25	5.8		0	0	4	3.25	7.25	18.6	25.85		60
699	200541	10/09/2011	9a4		Chuyên Sử	1.6	1.25	2.85	7.25	5		0	0		3	3	15.1	18.1		60
700	200678	26/10/2011	9A3		Chuyên Anh	2.7	2.75	5.45	8.25	8.8		0	0		7.8	7.8	22.5	30.3		61

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên					Điểm tổng		Thứ hạng		
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
701	200396	20/11/2011	9a2		Chuyên Địa	1.05	1	2.05	5.5	3.2		0	0		0.5	0.5	10.75	11.25		63
702	200317	03/09/2011	9A1		Chuyên Sinh	2.15	1.25	3.4	7.75	5.8		0	0	5.35	3.4	8.75	16.95	25.7		63
703	200479	25/02/2011	9A2		Chuyên Tin	0.85	0.25	1.1	5.75	3		0	0		9.5	9.5	9.85	19.35		63
704	200085				Chuyên Địa							0	0		4.5	4.5	0	4.5		64
705	200125	12/05/2011	9a1		Chuyên Sinh	2.15	1.25	3.4	6	6		0	0	5.25	5	10.25	15.4	25.65		64
706	200020	10/04/2011	9A5		Chuyên Sử	1.7	1.25	2.95	7	4		0	0		3.5	3.5	13.95	17.45		64
707	200578	22/08/2011	9A3		Chuyên Anh	2.1	0.25	2.35	8	9.6		0	0		9.575	9.575	19.95	29.525		66
708	200526	27/04/2011	9A4		Chuyên Sinh	3.25	1.75	5	7.25	5		0	0	4.5	3.5	8	17.25	25.25		66
709	200575	07/02/2011	9A1		Chuyên Sử	1.8	1.75	3.55	4.75	4.2		0	0		3.5	3.5	12.5	16		66
710	200097	07/08/2011	9A1		Chuyên Tin	2.3	0.5	2.8	4.25	8.4		0	0		3.7	3.7	15.45	19.15		66
711	200281	08/12/2011	9A3		Chuyên Sinh	2.7	2	4.7	7.5	4.2		0	0	4.1	4.75	8.85	16.4	25.25		67
712	200159	07/02/2011	9B		Chuyên Sinh	3.25	2.75	6	4.75	6.2		0	0	6	2	8	16.95	24.95		68
713	200451	02/12/2011	9A9		Chuyên Sinh	2.85	3	5.85	5.25	5		0	0	4.1	4.675	8.775	16.1	24.875		69
714	200483	02/01/2011	9A4		Chuyên Anh	2.9	4.5	7.4	7.25	8.2		0	0		5.6	5.6	22.85	28.45		72
715	200116	23/06/2011	9A8		Chuyên Sinh	2.7	1.5	4.2	7.5	4		0	0	4.1	4.625	8.725	15.7	24.425		72
716	200531	06/03/2011	9A1		Chuyên Sinh	2.1	1.25	3.35	8.25	6.2		0	0	3.1	3.375	6.475	17.8	24.275		73
717	200254	21/09/2011	9A3		Chuyên Anh	1.3	2.25	3.55	6.5	8.8		0	0		9.5	9.5	18.85	28.35		75
718	200489	23/05/2011	9A1		Chuyên Anh	3.05	2.5	5.55	6.25	9		0	0		7.05	7.05	20.8	27.85		77
719	200435	21/03/2011	9A1		Chuyên Anh	1.95	1.5	3.45	8	8.6		0	0		7.75	7.75	20.05	27.8		78
720	200246	14/04/2011	9A1		Chuyên Sinh	1.9	1	2.9	6.5	3.4		0	0	4.75	5.5	10.25	12.8	23.05		81
721	200111	22/04/2011	9a1		Chuyên Sinh	2.5	1	3.5	6.25	5		0	0	4.25	3.875	8.125	14.75	22.875		82
722	200388	06/03/2011	9A1		Chuyên Anh	1.55	1	2.55	7.5	8.8		0	0		8.525	8.525	18.85	27.375		83
723	200424	15/06/2011	9A1		Chuyên Sinh	1.9	2	3.9	6.5	7.4		0	0	2.35	2.65	5	17.8	22.8		83
724	200375	28/10/2011	9A8		Chuyên Sinh	2.5	2	4.5	6	4.6		0	0	4.5	3	7.5	15.1	22.6		85
725	200334	19/10/2011	9A2		Chuyên Anh	2.85	3.5	6.35	7.5	7.8		0	0		4.9	4.9	21.65	26.55		89

**BẢNG ĐIỂM THI KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG KỲ THI  
TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2026 - 2027 LẦN II**

STT	SBD	Ngày sinh	Lớp 9A2	Môn chuyên 1	Môn chuyên 2	Điểm Môn thường					Điểm Môn chuyên						Điểm tổng		Thứ hạng	
						Toán			Văn	Anh	Chuyên 1			Chuyên 2			Chuyên 1	Chuyên 2	Chuyên 1	Chuyên 2
						TN	TL	Tổng			TN	TL	Tổng	TN	TL	Tổng				
726	200202	17/07/2011	9D		Chuyên Sinh	2.8	1	3.8	7.25	4.6		0	0	3.1	2.75	5.85	15.65	21.5		93
727	200440	17/06/2011	9A5		Chuyên Sinh	1.95	1.5	3.45	7.5	5		0	0	2.45	2.675	5.125	15.95	21.075		95
728	200679	20/03/2011	9A3		Chuyên Anh	3.05	4.25	7.3	7	8.2		0	0		3.35	3.35	22.5	25.85		96
729	200340	20/07/2011	9a1		Chuyên Anh	2.3	2.5	4.8	6.25	8.2		0	0		6.3	6.3	19.25	25.55		98
730	200171	26/01/2011	9A2		Chuyên Anh	2.55	2.5	5.05	6	7.6		0	0		6.7	6.7	18.65	25.35		100
731	200676	07/06/2011	9a2		Chuyên Sinh	1.5	0	1.5	8	3.8		0	0	3.35	2.875	6.225	13.3	19.525		102
732	200475	09/03/2011	9A2		Chuyên Anh	2.7	2	4.7	6.25	8.8		0	0		5.45	5.45	19.75	25.2		103
733	200300	21/03/2011	9A4		Chuyên Sinh	1.45	0	1.45	7	3.2		0	0	4.35	2.775	7.125	11.65	18.775		107
734	200288	21/12/2011	9A5		Chuyên Anh	3.05	0.25	3.3	6.25	7.4		0	0		6.7	6.7	16.95	23.65		123
735	200671	26/01/2011	9B		Chuyên Anh	2.3	1.25	3.55	7.25	7.8		0	0		4.65	4.65	18.6	23.25		129
736	200294	05/09/2011	9b		Chuyên Anh	3.1	1.75	4.85	6	8.2		0	0		4.2	4.2	19.05	23.25		130
737	200765	17/01/2011	9a1		Chuyên Anh	2.65	0.75	3.4	8	6.6		0	0		4.7	4.7	18	22.7		133
738	200257	23/06/2011	9D		Chuyên Anh	2.65	1	3.65	2.75	7.4		0	0		6.75	6.75	13.8	20.55		151
739	200346	06/04/2011	9A2		Chuyên Anh	1.9	1.75	3.65	8.25	2.8		0	0		2.1	2.1	14.7	16.8		155
740	200054	18/08/2011	9A1		Chuyên Sử	3.05	2.75	5.8	6.75	5		0	0		0	0	17.55	17.55		
741	200186	10/05/2011	9A2		Chuyên Tin	2.7	2.5	5.2	7.75	6		0	0				18.95	18.95		
742	200044	24/09/2012	8a3		Chuyên Tin	1.5	1	2.5	3	6.8		0	0		0	0	12.3	12.3		
743	200901	24/09/2011				2.5	5	7.5	6.5	6			0			0	20	20		
744	200905	18/05/2011				2.45	1.75	4.2	6	5.6			0	2.85	0	2.85	15.8	18.65		
745	200908	22/12/2011				2.25	1.25	3.5	7	6.8			0			0	17.3	17.3		
746	200900	17/09/2011				1.55	1.25	2.8	7.25	6.4			0			0	16.45	16.45		
747	200903	06/08/2011				1.4	2.75	4.15	7.25	4.8			0			0	16.2	16.2		
748	200450	17/11/2011	9A3			1.35	1.25	2.6	6.5	5		0	0		0	0	14.1	14.1		
749	200904	09/09/2011							8.25				0			0	8.25	8.25		